

Công ty TNHH XDTH
Khang Phúc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----☞☛-----

HỒ SƠ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN NĂNG LỰC

Tên đơn vị: Công ty TNHH XDTH Khang Phúc (LAS –XD 787)

Địa chỉ: Số 30 Cao Thắng, TDP 8 Phú Xá, P. Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP
KHANG PHÚC

Quảng Trị, 3/2026

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3101046609

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 02 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 29 tháng 08 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP KHANG PHÚC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH XDTH KHANG PHÚC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 30 Cao Thắng, Tổ dân phố 8 Phú Xá, Phường Đồng Thuận, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Điện thoại: 0989427788

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ : 2.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN XUÂN LỘC

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 15/12/1981

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 044081013623

Địa chỉ liên lạc: *Số 30 Cao Thắng, Tổ dân phố 8 Phú Xá, Phường Đồng Thuận, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN XUÂN LỘC

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 15/12/1981

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 044081013623

Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *THÔN 8 PHÚ XÁ, Phường Đồng Thuận, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam*



QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Thành lập phòng thí nghiệm)

Căn cứ luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X thông qua ngày 12/6/1999;

Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Khang Phúc số 3101046609 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình đăng ký lần đầu ngày 05/02/2018;

Xét yêu cầu nhiệm vụ của Công ty,

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH XDTH KHANG PHÚC
QUYẾT ĐỊNH**

Điều 1: Nay thành lập Phòng Thí Nghiệm Vật Liệu Xây Dựng và Địa chất công trình trực thuộc Công Ty TNHH XDTH KHANG PHÚC.

Tên: PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH

Địa điểm : Đường Cao Thắng – xã Lộc Ninh – TP Đồng Hới – tỉnh Quảng Bình

Trưởng phòng : ÔNG NGUYỄN XUÂN LỘC

Điều 2: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và địa chất công trình có chức năng, nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Thí nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật nền đất đắp, nền dè, đập, nền đường, mặt đường, bê tông và thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của vật liệu xây dựng.
- Thí nghiệm địa chất công trình.



- Kiểm định chất lượng các công trình xây dựng , công trình giao thông, công trình thủy lợi.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty giao.

Điều 3: Tổ chức bộ máy của Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và Địa chất công trình xây dựng gồm:

- Một Trưởng phòng, một Phó phòng giúp việc.

- Số cán bộ công nhân viên của Phòng căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ để bố trí cho phù hợp.

Điều 4: Các Ông (bà) Trưởng phòng Thí nghiệm vật liệu xây dựng, Trưởng phòng Ban, đơn vị trực thuộc có liên quan và các cán bộ CNV có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4

- Lưu VT

CÔNG TY TNHH XHTH KHANG PHÚC



Nguyễn Xuân Lộc



Số : 02 / QĐ -BN

Đồng Hới, ngày 03 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: *Bổ nhiệm trưởng phòng thí nghiệm*)

- Căn cứ luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X thông qua ngày 12/6/1999;
- Căn cứ điều lệ của công ty TNHH xây dựng tổng hợp Khang Phúc
- Xét yêu cầu nhiệm vụ của Công ty,

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH XDTH KHANG PHÚC

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay bổ nhiệm ông NGUYỄN XUÂN LỘC - Cử nhân địa chất giữ chức vụ Trưởng phòng Thí nghiệm vật liệu xây dựng và địa chất công trình trực thuộc Công ty kể từ ngày ký.

Điều 2: Trưởng phòng Thí nghiệm vật liệu xây dựng và địa chất công trình có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành Phòng Thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm VLXD và địa chất công trình theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Nhà nước qui định.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Phòng Thí nghiệm vật liệu xây dựng và địa chất công trình.

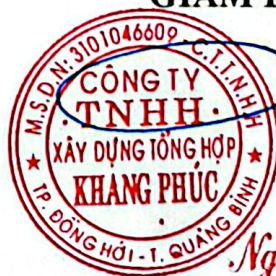
Điều 3: Các ông Trưởng các phòng ban, đơn vị có liên quan và ông Nguyễn Xuân Lộc căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu VT

CÔNG TY TNHH XHTH KHANG PHÚC

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Lộc

BẢN PHÂN CÔNG CÔNG VIỆC

Tời gian phân công: 01/3/2025

Tổ chức: Công ty TNHH XDTH Khang Phúc

TT	Họ và tên	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Xuân Lộc	<ul style="list-style-type: none">- Trưởng phòng thí nghiệm phụ trách chung điều hành công việc mọi hoạt động liên quan của phòng thí nghiệm- Chịu trách nhiệm về công tác quản lý chất lượng, công tác thí nghiệm, tính trung thực, khách quan của các kết quả thí nghiệm của Phòng thí nghiệm xuất ra khỏi phòng trước khách hàng, trước ban lãnh đạo Công ty và trước pháp luật.- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty xây dựng chính sách chất lượng, định hướng phát triển của phòng thí nghiệm, xây dựng mối quan hệ với khách hàng- Tổ chức sắp xếp, tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty tổ chức sắp xếp cán bộ nhân sự cho phòng thí nghiệm theo nhu cầu công việc để đạt được hiệu quả cao nhất- Trực tiếp điều động nhân sự trong phòng thí nghiệm phục vụ công tác thí nghiệm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và tiến độ của công việc- Điều hành hoạt động của các phòng thí nghiệm tại hiện trường khi có công trình yêu cầu đặt phòng thí nghiệm.- Quản lý trang thiết bị thí nghiệm, có kế hoạch trong phòng thí nghiệm đảm bảo công tác quản lý tài sản của trung tâm.- Tham gia xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng cho phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn và quy chế quản lý phòng thí nghiệm hiện hành theo quy định.- Trực tiếp tham gia thí nghiệm và chịu trách nhiệm về các kết quả thí nghiệm của	



		<p>mình khi yêu cầu công việc cần sự đáp ứng về tiến độ, trình độ năng lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất với Ban lãnh đạo Công ty về các chương trình đào tạo nâng cao tay nghề cho các thí nghiệm viên. - Quản lý trực tiếp, quản lý hồ sơ, kết quả thí nghiệm, tiến độ các công trình mà Công ty tham gia thí nghiệm. 	
2	Trương Tuấn Vũ	<p>- Chức năng:</p> <p>Phụ trách công tác thí nghiệm, thử nghiệm cho các lĩnh vực:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1, Thử nghiệm cơ lý xi măng 2, Thí nghiệm Bê tông và Bê tông nặng 3, Thí nghiệm (cấp phối) cốt liệu cát, đá, sỏi 4, Thử nghiệm vữa xây dựng 5, Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng <p>- Nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chịu trách nhiệm lập các quy trình, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc phục vụ công tác thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, phân tích đánh giá kết quả, xuất kết quả theo biểu mẫu quy định tại tiêu chuẩn, trình lãnh đạo phê duyệt kết quả, trả kết quả cho người tiếp nhận mẫu hoặc trong một số trường hợp thì phải trả kết quả cho khách hàng, quản lý, lưu trữ hồ sơ, kết quả thí nghiệm, lưu trữ mẫu thí nghiệm cần lưu (khi có yêu cầu của Lãnh đạo phòng) + Tư vấn, đề xuất với trường phòng về các điều kiện để thực hiện thí nghiệm một cách khách quan, trung thực + Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu của trường phòng + Tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo các trong việc xây dựng các hướng dẫn thí nghiệm trong lĩnh vực phụ trách + Trong một số trường hợp thì phải trực tiếp tiếp nhận yêu cầu của khách hàng, mã hóa mẫu thí nghiệm, vào sổ lưu trữ thông tin, lưu mẫu thí nghiệm tại hiện trường (nếu có yêu cầu của Lãnh đạo phòng) 	

10466
 CÔNG
 NGHỆ
 DỰNG
 HÀNG
 HỒI-T

3	Trương Thiên Văn	<p>- Chức năng:</p> <p>Phụ trách công tác thí nghiệm, thử nghiệm cho các lĩnh vực:</p> <p>1, Thí nghiệm cơ lý đất trong phòng 2, Thí nghiệm tại hiện trường</p> <p>+ Chịu trách nhiệm lập các quy trình thí nghiệm, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc phục vụ công tác thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, phân tích đánh giá kết quả, xuất kết quả theo biểu mẫu quy định tại tiêu chuẩn, trình lãnh đạo phê duyệt kết quả, trả kết quả cho người tiếp nhận mẫu hoặc trong một số trường hợp thì phải trả kết quả cho khách hàng, quản lý, lưu trữ hồ sơ, kết quả thí nghiệm, lưu trữ mẫu thí nghiệm cần lưu (khi có yêu cầu của Lãnh đạo phòng)</p> <p>+ Tư vấn, đề xuất với trường phòng về các điều kiện để thực hiện thí nghiệm một cách khách quan, trung thực</p> <p>+ Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu của trường phòng</p> <p>+ Tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo các trong việc xây dựng các hướng dẫn thí nghiệm trong lĩnh vực phụ trách</p> <p>+ Trong một số trường hợp thì phải trực tiếp tiếp nhận yêu cầu của khách hàng, mã hóa mẫu thí nghiệm, vào sổ lưu trữ thông tin, lưu mẫu thí nghiệm tại hiện trường (nếu có yêu cầu của Lãnh đạo phòng)</p>	
4	Lê Ngọc Hai	<p>- Chức năng:</p> <p>Phụ trách công tác thí nghiệm, thử nghiệm cho các lĩnh vực:</p> <p>1, Thí nghiệm Bê tông nhựa 2, Thí nghiệm Nhựa Bitum 3, Thí nghiệm bột khoáng cho BTN</p> <p>+ Chịu trách nhiệm lập các quy trình thí nghiệm, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc phục vụ công tác thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, phân tích đánh giá kết quả, xuất kết quả theo biểu mẫu quy định tại tiêu chuẩn, trình lãnh đạo phê duyệt kết quả, trả kết quả cho người tiếp nhận mẫu hoặc trong một số trường hợp thì phải trả kết quả cho khách hàng, quản lý, lưu trữ hồ sơ, kết quả thí nghiệm, lưu trữ mẫu thí nghiệm</p>	



	<p>cần lưu (khi có yêu cầu của Lãnh đạo phòng)</p> <ul style="list-style-type: none">+ Tư vấn, đề xuất với trưởng phòng về các điều kiện để thực hiện thí nghiệm một cách khách quan, trung thực+ Hỗ trợ các bộ phận khác khi có yêu cầu của trưởng phòng+ Tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo các trong việc xây dựng các hướng dẫn thí nghiệm trong lĩnh vực phụ trách+ Trong một số trường hợp thì phải trực tiếp tiếp nhận yêu cầu của khách hàng, mã hóa mẫu thí nghiệm, vào sổ lưu trữ thông tin, lưu mẫu thí nghiệm tại hiện trường (nếu có yêu cầu của Lãnh đạo phòng)	
--	---	--

Công ty TNHH XDTH Khang Phúc

Giám đốc



Nguyễn Xuân Lộc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường
Đại học Khoa học Huế

**BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC**

loại hình đào tạo **CHÍNH QUI**
ngành **Địa chất**
hạng **Thạc sĩ** năm tốt nghiệp **2005**
và công nhân danh hiệu

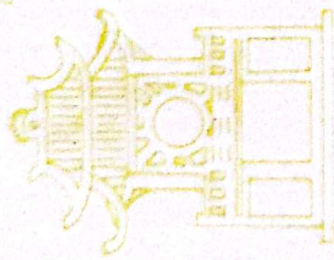
cho **Trần Văn Tuấn Lộc**

sinh ngày **15/12/1981** tại **Sào Bình**
Huế ngày **7** tháng **7** năm **2005**

Hiệu trưởng
Khoa trưởng



Trần Văn Tuấn Lộc



Số hiệu bằng **C 689262**
Số vào sổ **418-05**

Chữ ký của người được cấp bằng

Trần Văn Tuấn Lộc

THÔNG TIN CÁ NHÂN



.....
*Chữ ký của người
được cấp chứng chỉ*

Họ và tên: Nguyễn Xuân Lộc

Ngày tháng năm sinh: 15/12/1981

Số CCCD (hoặc hộ chiếu) 044081013623

cấp ngày 02/7/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về
trật tự xã hội

Quốc tịch: Việt Nam

Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Khoa học Huế

Hệ đào tạo: Chính quy

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Địa chất

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Khảo sát địa hình	II	Từ 09/10/2024 đến 09/10/2029
2	Khảo sát địa chất công trình	II	Từ 09/10/2024 đến 09/10/2029
3	 		
4	 		
5	 		

Quảng Bình, ngày 09 tháng 10 năm 2024

KI. GIÁM ĐỐC
PH. GIÁM ĐỐC



Phạm Quốc Anh

Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ:

1. Chi được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
3. Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
4. Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
5. Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Số: QUB-00106298

*(Ban hành theo Quyết định số 2626/QĐ-SXD
ngày 09/10/2024 của Sở Xây dựng Quảng Bình)*

TCVN

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY
VIỆN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM
VIETNAM STANDARDS AND QUALITY INSTITUTE

CHỨNG CHỈ

Certificate of Achievement

Số/No: 326.2.34/VSQI

Chứng nhận
This is to certify that

Ông/Mr. Nguyễn Xuân Lộc

Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Khang Phúc

đã tham dự khóa đào tạo
has attended the training course on

**NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
THEO TIÊU CHUẨN ISO/IEC 17025:2017**

Laboratory Quality Management Training on ISO/IEC 17025:2017

Ngày 06/01/2021

January 6th, 2021

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2021

KT. VIỆN TRƯỞNG

Deputy Director of Institute



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Phùng Mạnh Trường

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE RECTOR OF THE
HANOI UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING

has hereby conferred

CERTIFICATE



Upon Mr. **TRUONG TUAN VU**

Born on 07 June 1991

For successful completion of the training course entitled
**Electrical conductor testing
and ground resistance measurement.**

Held in September 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

cấp

CHỨNG NHẬN

Ông **TRUONG TUAN VU**

Sinh ngày 07 tháng 06 năm 1991

Đã hoàn thành Chương trình đào tạo ngắn hạn

Thí nghiệm dây dẫn điện

và phương pháp đo điện trở tiếp địa

Khóa tháng 9 năm 2025

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Bùi Phú Doanh

Số: 0081/DTR2025-DHXDHN

Số vào sổ cấp chứng nhận: 2025/CN/0628

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE RECTOR OF THE
HANOI UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING

has hereby conferred

CERTIFICATE



Upon Mr. TRUONG TUAN VU

Born on 07 June 1991

For successful completion of the training course entitled

Testing of Materials for Transportation Works

Held in January 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

cấp

CHỨNG NHẬN

Ông TRUONG TUAN VU

Sinh ngày 07 tháng 06 năm 1991

Đã hoàn thành Chương trình đào tạo ngắn hạn

Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông

Khóa tháng 01 năm 2026

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Bùi Phú Doanh

Số: 0135/TNVL2026-DHXDHN

Số vào sổ cấp chứng nhận: 2026/CN/0251

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR OF

Quang Binh Agricultural and Industrial Technical Intermediate School

confers

**INTERMEDIATE PROFESSIONAL
EDUCATION DIPLOMA**

Upon: (Mr, Ms) *Truong Tuan Vu*
Born on: *07.06.1991*
Major in: *Bridges and Roads Construction*
Ranking: *Fair*
Mode of study: *Regular*



Serial number:

Reference number:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

Trường Trung cấp Kỹ thuật Công - Nông nghiệp Quảng Bình

cấp

**BẰNG TỐT NGHIỆP
TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP**

Cho: *Trương Tuấn Vũ*
Giới tính: *Nam*
Ngày, tháng, năm sinh: *07.06.1991*
Ngành đào tạo: *Xây dựng cầu đường bộ*
Xếp loại tốt nghiệp: *Khá*
Hình thức đào tạo: *Chính quy*

Quảng Bình, ngày *08* tháng *08* năm *2012*



Số hiệu: *A 377378* Th.S *Trần Đình Văn*

Số vào sổ cấp bằng: *963*

SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR INVESTMENT AND CONSTRUCTION
VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING ASSOCIATIONS



Chữ ký của người được cấp



Số hiệu chứng chỉ: 201810001/VKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM

CHỨNG NHẬN

Ông : **TRƯƠNG TUẤN VŨ**

Ngày sinh : 07 - 06 - 1991

Quê quán : Quảng Bình

Đã tốt nghiệp khóa đào tạo về:

Thử nghiệm tính chất cơ lý của Thép xây dựng

Do Viện Khoa Học Công Nghệ về Đầu Tư và Xây Dựng -

Tổng Hội Xây Dựng Việt Nam tổ chức.

Thời gian đào tạo: Từ 09/04/2018 đến 16/04/2018

Kết quả học tập: **Khá**

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2018

VIỆN TRƯỞNG

**KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ VỀ
ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG**

VIỆN TRƯỞNG

TS. Phùng Vũ Việt Anh

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:

Mr/Mrs: LE NGOC HAI

Has successfully passed Training Course on

The experimenter tests the mechanical properties of the asphalt concrete

In November 2019

Ref. N⁰: 2019-A0136B/VND-TNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông: **LÊ NGỌC HAI**

Ngày sinh: 28 - 04 - 1983

Thường trú: Quảng Bình

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

Thí nghiệm viên thử nghiệm tính chất cơ lý của bê tông nhựa

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới

Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 11 năm 2019

Kết quả học tập: **Đạt loại khá.**



Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2019

VIỆN TRƯỞNG

Bach Dinh Thien

VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. *Bach Dinh Thien*

SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR INVESTMENT AND CONSTRUCTION
VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING ASSOCIATIONS



Chữ ký của người được cấp

Số hiệu chứng chỉ: 201703068/VKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM

CHỨNG NHẬN

Ông : **TRƯƠNG THIÊN VĂN**
Ngày sinh : 21 - 04 - 1993
Quê quán : Quảng Bình
Đã tốt nghiệp khóa đào tạo về:

Thử nghiệm cơ lý Xi măng, Bê tông và Cốt liệu cho Bê tông

Do Viện Khoa Học Công Nghệ về Đầu Tư và Xây Dựng -
Tổng Hội Xây Dựng Việt Nam tổ chức.

Thời gian đào tạo: Từ 04/12/2017 đến 11/12/2017

Kết quả học tập: **Khá**

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2017

VIỆN TRƯỞNG

**KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ VỀ
ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG**

VIỆN TRƯỞNG

TS. Phùng Vũ Việt Anh

DANH MỤC TÀI LIỆU, QUY TRÌNH QUẢN LÝ THEO ISO 17025:2017
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP KHANG PHÚC

TT	Tên quy trình	Ký hiệu
1	Sổ tay chất lượng	STCL
2	Quy trình kiểm soát tài liệu	QT 01
3	Quy trình thuê, mua hàng hóa, dịch vụ bên ngoài	QT 02
4	Quy trình lấy mẫu thí nghiệm	QT 03
5	Quy trình quản lý thiết bị	QT 04
6	Quy trình theo dõi, xử lý phản hồi của khách hàng	QT 05
7	Quy trình kiểm soát công việc không phù hợp	QT 06
8	Quy trình hướng dẫn khắc phục phòng ngừa, cải tiến	QT 07
9	Quy trình kiểm soát hồ sơ	QT 08
10	Quy trình kiểm soát quá trình thí nghiệm	QT 09
11	Quy trình quản lý rủi ro	QT-10
12	Quy trình đánh giá nội bộ	QT-11
13	Quy định mục tiêu chất lượng	QĐ-01
14	Quy định kiểm tra kết quả thí nghiệm	QĐ-02
15	Quy định nội qui Phòng thí nghiệm	QĐ-03
16	Quy định SĐTC, CNNV phòng thí nghiệm	QĐ-04
17	Quy định lưu, bảo quản và huỷ mẫu	QĐ-05
18	Hướng dẫn vận hành máy thí nghiệm	HD-01



TRƯỜNG SƠN



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Liên 2: Giao người mua
(Copy 2: Customer)

Mẫu số (Form No.): 01GTKT3/001

Ký hiệu (Serial): TS/11P

Số (No.): **0000433**

Ngày (Date): 02 tháng (Month) 04 năm (Year) 2018.

Đơn vị bán hàng (Company name/sales): **CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN**

Mã số thuế (Tax code): **3100261307**

Địa chỉ (Add): 101 Đường Hữu Nghị, TP.Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

Điện thoại (Tel): (84.52) 3843205 Số tài khoản (Acc number):

Họ tên người mua hàng (Custom's name):

Tên đơn vị (Company): **Đông ty TNHH Tư vấn XDTH Khang phú.**

Mã số thuế (Tax code): **3109046609**

Địa chỉ (Address): **Đường lao tháng 11 xã lộc Ninh, TP. Đồng Hới, Quảng Bình**

Hình thức thanh toán (Paymet Method): **ck** Số tài khoản (Acc number):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
	Khánh lý, thiết bị phòng Lạc - XD F&T Thu Hợp đồng Số 02/2018/HĐ ngày 26/3/2018				100.000.000

Cộng tiền hàng (Total selling amount): **100.000.000**

Thuế suất GTGT (V.A.T rate): **10** %, Tiền thuế GTGT (V.A.T amount): **10.000.000**

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): **110.000.000**

Số tiền viết bằng chữ (Amount in word): **Một trăm mười triệu đồng chẵn.**

Người mua hàng (The buyer)
Ký, ghi rõ họ tên
(Sign, full name)

Nguyễn Xuân Lộc

Người bán hàng (The seller)
(Ký, đóng dấu, và ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp & full name)

Nguyễn Đại Lợi

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

BIÊN BẢN ĐIỀU CHỈNH HÓA ĐƠN GTGT

Số: *đ* /BB-ĐCHĐ

- Căn cứ Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 có hiệu lực từ ngày 01/06/2014;
- Căn cứ Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014 có hiệu lực từ 01/09/2014;
- Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 có hiệu lực từ 01/01/2015;

Hôm nay, ngày 03 tháng 04 năm 2018 đại diện hai bên gồm có:

BÊN GIAO HÓA ĐƠN: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Số 101 Đường Hữu Nghị - Phường Nam Lý - TP Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình

Điện thoại: 0232 3843205

MST: 3100261307

Đại diện: Ông Nguyễn Đại Lợi

Chức vụ: Giám Đốc

BÊN NHẬN HÓA ĐƠN: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP KHANG PHÚC

Địa chỉ: Đường Cao Thắng, thôn 11, xã Lộc Ninh, TP Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

Điện thoại: 0989427788

MST: 3101046609

Đại diện: Ông Nguyễn Xuân Lộc

Chức vụ: Giám Đốc

Hai bên thống nhất lập biên bản điều chỉnh hóa đơn GTGT

1. Hóa đơn số: 0000433 ; mẫu số 01GTKT3/001 ký hiệu TS/11P ngày 02/04/2018

Lý do điều chỉnh: Do ghi sai tên đơn vị mua hàng.

Nội dung thông tin sai được điều chỉnh lại như sau:

Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung sau điều chỉnh
Công ty TNHH Tư vấn Xây Dựng Tổng hợp Khang Phúc	Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Khang Phúc

Biên bản này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN HÓA ĐƠN

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)



Nguyễn Xuân Lộc

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO HÓA ĐƠN

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)



Nguyễn Đại Lợi

4	Khối lượng thể tích xốp và độ hông, độ ẩm	TCVN 7572-6:2006; TCVN 7572-7:2006; TCVN 7572-8:2006;	Hộp mẫu, cân
5	Hàm lượng bụi, bùn sét		Chậu rửa inox, cân
6	Cường độ và hệ số hóa mềm đá gốc	TCVN 7572-10:2006	Máy nén 15 tấn
7	Hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu	TCVN 7572-13:2006;	Rây, Thước kẹp
8	Hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TCVN 7572-17:2006	nt
9	Độ mài mòn Losangeles	TCVN 7572-12:2006;	Máy mài mòn Losangeles
10	Hàm lượng Mica	TCVN 7572-20:2006	Bộ rây
III	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của bê tông nhựa		
1	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011;	Máy nén massall
2	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011;	Máy ly tâm
3	Xác định thành phần hạt cốt liệu	TCVN 8860-3:2011;	Rây
4	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011;	Cân điện tử và Dụng cụ thí nghiệm liên quan
5	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011;	Cân điện tử và Dụng cụ thí nghiệm liên quan
6	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	
7	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	
8	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	
9	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	Bình chân không
10	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	
11	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	
12	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	

IV	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý bê tông xi măng		
1	Độ sụt hỗn hợp bê tông xi măng	TCVN 3106:1993;	Côn, máy trộn
2	Khối lượng riêng bê tông xi măng	TCVN 3112:1993	Cân, dụng cụ liên quan
3	Độ hút nước của bê tông xi măng	TCVN 3113:1993	Cân, dụng cụ liên quan
4	Khối lượng thể tích bê tông xi măng	TCVN 3115:1993	Cân, dụng cụ liên quan
5	Cường độ chịu nén	TCVN 3118:1993	Máy nén
6	Cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:1993	Máy uốn
V	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của nhựa đường		
1	Độ kim lún	TCVN 7495:2005;	Bộ thử kim lún
2	Độ kéo dài	TCVN 7496:2005;	Bộ thử giãn dài
3	Nhiệt độ hóa mềm	TCVN 7497:2005;	
4	Độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005;	
5	Nhiệt độ bốc lửa, bắt cháy	TCVN 7498:2005;	Bộ thí nghiệm bắt lửa
6	Khối lượng riêng	TCVN 7501:2005;	Cân trong nước
7	Tỷ lệ kim lún nhựa đường sau khi đun nóng nhiệt độ 163 ⁰ c trong 5h so với độ kim lún ở 25 ⁰ C	TCVN 7499:2005;	Bộ thí nghiệm nhựa đường
8	Hàm lượng hòa tan Trichloroethylene	TCVN 7500:2005;	
9	Chỉ số PI	Thông tư số 27/2014/TT - BGTVT	
VI	Phép thử cơ lý kim loại		
1	Phương pháp thử kéo	TCVN 197:2002	Máy kéo thép WB 1000
2	Phương pháp uốn	TCVN 198:1995	Máy kéo thép WB 1000

3	Mỗi hàn kim loại: Thử uốn	TCVN 5401:2010	
4	Mỗi hàn kim loại: Thử kéo	TCVN 5403:2010	
VII	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của xi măng		
1	Khối lượng riêng	TCVN 4030:2003;	Cân, các thiết bị liên quan
2	Độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	Cân, các thiết bị liên quan
3	Độ bền nén, độ bền uốn	TCVN 6016:2011;	Máy nén
	Phương pháp xác định độ mịn Xi măng	TCVN 4030:2003	Sàng
VIII	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của vữa xây dựng		
1	Khối lượng riêng	TCVN 3121:03	Cân, các thiết bị liên quan
2	Độ hút nước của mẫu vữa đã đông rắn	TCVN 3121:03	
3	Cường độ nén của mẫu vữa đã đông rắn	TCVN 3121:03	Máy nén vữa
IX	Thí nghiệm hiện trường		
1	Xã định mô đun đàn hồi bằng cần benkeman	TCVN 8867:2011	Cần Benkeman
2	Xác định mô đun đàn hồi bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Đo tấm ép
3	Độ ẩm của đất đắp nền đường	22TCN 02-71	
4	Xác định độ bằng phẳng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước 3m
5	Xác định khối lượng thể tích bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346 -06	Bộ đo K
6	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011	
7	Xác định khối lượng thể tích bằng phương pháp dao vòng	TCVN 4202:2012	Đo bằng phương pháp dao vòng
	Đo điện trở đất	TCVN 9385 -2012	Máy đo điện trở
X	Thí nghiệm gạch xây dựng		
1	Xác định kích thước	TCVN 6355-1: 2009	Thước đo
2	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3: 2009	Máy nén thủy lực
3	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2: 2009	Máy nén
4	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4: 2009	Tủ sấy, cân, thùng

5	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5: 2009	Thuốc, cân, dụng cụ liên quan
6	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6: 2009	Thùng chứa mẫu, cân, Quang để mẫu

Công ty TNHH XDTH Khang Phúc

Giám đốc



Nguyễn Xuân Lộc

Số: 133 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 09 tháng 5 năm 2023

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Khang Phúc và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 24/4/2023.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Khang Phúc

Địa chỉ: Đường Cao Thắng, xã Lộc Ninh, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Mã số thuế: 3101046609

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và địa chất công trình

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Đường Cao Thắng, xã Lộc Ninh, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 787

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế Giấy chứng nhận số 305/GCN-BXD ngày 22/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Khang Phúc;
- SXD tỉnh Quảng Bình;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 787**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
số: 133 /GCN-BXD ngày 09 tháng 5 năm 2023)

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
1	ĐẤT TRONG PHÒNG	
	Khối lượng riêng	TCVN 4195:2012 AASHTO T100; ASTM D854
	Độ ẩm	TCVN 4196:2012; AASHTO T265
	Giới hạn chảy, Giới hạn dẻo	TCVN 4197:2012 AASHTO T89, T90; ASTM D3418
	Thành phần hạt	TCVN 4198:2014 AASHTO T88; ASTM D2487
	Sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995 AASHTO T236; ASTM D3080
	Đảm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020 AASHTO T180, T99
	Khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
	Sức chịu tải của đất trong phòng (CBR)	TCVN 12792:2020 AASHTO T193; ASTM D1883
	Tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012
2	CÓT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	Thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006 AASHTO T27, T30, T37 ASTM C136, D546
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006 AASHTO T84; ASTM C128, C127
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 AASHTO T85; ASTM C127
	Khối lượng thể tích xốp và độ hồng, độ ẩm	TCVN 7572-6:2006
	Độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
	Hàm lượng bụi, bùn sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006 AASHTO T11; ASTM C117
	Hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006 AASHTO T21; ASTM C40
	Cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy mài mòn và đập Los Angeles	TCVN 7572-12:2006

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791
	Hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TCVN 7572-17:2006
	Hàm lượng mi ca	TCVN 7572-20:2006
	Đương lượng cát	AASHTO T176
3	BÊ TÔNG NHỰA	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011 AASHTO T245; ASTM D1559
	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011 AASHTO T164; ASTM D2172
	Xác định thành phần hạt cốt liệu	TCVN 8860-3:2011 AASHTO T27; ASTM C136
	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011 AASHTO T209; ASTM D2041
	Xác định tỷ trọng khối lượng, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011 AASHTO T269; ASTM D3203
	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
4	BÊ TÔNG VÀ HỖN HỢP BÊ TÔNG	
	Độ sụt của hỗn hợp bê tông xi măng	TCVN 3106:2022 AASHTO T119; ASTM C143
	Khối lượng riêng của bê tông xi măng	TCVN 3112:2022
	Độ hút nước của bê tông xi măng	TCVN 3113:2022
	Khối lượng thể tích của bê tông xi măng	TCVN 3115:2022
	Cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022
5	NHỰA BITUM	
	Độ kim lún	TCVN 7495:2005 AASHTO T49; ASTM D5
	Độ kéo dài	TCVN 7496:2005 AASHTO T51; ASTM D113
	Nhiệt độ hóa mềm	TCVN 7497:2005; AASHTO T53
	Độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005 AASHTO T195; ASTM D3625
	Nhiệt độ bắt lửa, bốc cháy	TCVN 7498:200 AASHTO T48; ASTM D92

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Khối lượng riêng	TCVN 7501:2005 AASHTO T228; ASTM D70
	Lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5 giờ	TCVN 7499:2005 AASHTO T47; ASTM D6
	Hàm lượng hòa tan Trichloroethylene	TCVN 7500:2005; ASTM D2042
6	VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
	Thử kéo	TCVN 197-1:2014
	Thử uốn	TCVN 198:1995
	Mối hàn kim loại - Thử uốn	TCVN 5401:2010
	Mối hàn kim loại- Thử kéo	TCVN 8310:2010; TCVN 8311:2010
7	XI MĂNG	
	Độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 4030:2003 AASHTO T128; ASTM C184
	Độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015 AASHTO T129, T131 ASTM C187, C191
	Độ bền nén và độ bền uốn	TCVN 6016:2011 AASHTO T106; ASTM C109
8	VỮA XÂY DỰNG	
	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
	Xác định khối lượng thể tích vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-10:2022
	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022
	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
9	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
	Xác định mô đun đàn hồi bằng cần Benkenman	TCVN 8867:2011
	Xác định mô đun đàn hồi bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
	Xác định khối lượng thể tích bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346:06 TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012
	Xác định khối lượng thể tích bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020 TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012
	Thí nghiệm đo điện trở tiếp đất	TCVN 9385:2012
	Thử nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012
10	THỬ NGHIỆM GẠCH XÂY	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
	Xác định độ bền nén	TCVN 6355-2:2009
	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
10	BỘT KHOÁNG CHẤT	
	Thành phần hạt	TCVN 12884-2:2020;
	Chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 4197:2012
	Độ ẩm	TCVN 12884-2:2020;
	Khối lượng riêng	TCVN 8735: 2012;
	Hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020
11	GẠCH BÊ TÔNG	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016
	Xác định độ bền nén	TCVN 6477:2016
	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016
	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016
	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016
12	GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:2011
	Xác định độ bền nén	TCVN 6476:2011
13	GẠCH TERARO	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7744:2013
	Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013
	Xác định độ chịu mài mòn	TCVN 7744:2013
	Xác định độ bền uốn	TCVN 7744:2013
14	GẠCH GRANITO	
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6074:1995
	Xác định độ chịu mài mòn lớp mặt	TCVN 6074:1995
	Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6074:1995
	Xác định lực va đập xung kích	TCVN 6074:1995
15	NGÓI LỘP	
	Xác định tải trọng uốn gãy của ngói	TCVN 4313:1995
	Xác định độ hút nước của ngói	TCVN 4313:1995
	Xác định thời gian không xuyên nước của ngói	TCVN 4313:1995
	Xác định khối lượng 1m ² ngói bão hòa nước	TCVN 4313:1995

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG THỬ NGHIỆM

ĐK 72 -VLAC-1.1224

Địa chỉ: TDP 10 - P. Đồng Phú - TP. Đồng Hới - Quảng Bình

Điện thoại: 0919.620.138 - Fax: 0232.3858339 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (N^o): 25031911 /HC

Tên đối tượng (Object): MÁY NÉN TAM LIÊN

Kiểu (Type): WG-1 Số (Serial No): 14570

Nơi sản xuất (Manufacture): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

* P_{max} = 1600 kPa Tiết diện nén: S = 30 cm²

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Khang Phúc

Nơi sử dụng (Place): Đường Cao Thắng, Thôn 8, Lộc Ninh, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Lực kế chuẩn được liên kết chuẩn Viện Đo lường Việt Nam

- Thiết bị chỉ thị số: C138Pn176/AG0001/ Matest - Italia

- Đầu đo lực N^o: C140-02(75 kN)/ Matest Italia; Độ KĐBĐ: U = 0,24 %

Kết quả (Results): Xem kết quả trang 2

Tem hiệu chuẩn số (Calibration label): 23H 03045

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 19/03/2025

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 19/03/2026

Đồng Hới, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Date of issue

Trưởng phòng Hiệu chuẩn

Head of Calibration Lab

Phan Thanh Hà

P. GIÁM ĐỐC

Director



Lưu Minh Tuấn

Trang:

(Page)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm Quảng Bình

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: 25031911 HC/ ngày 06 tháng 02 năm 2025

Số TT	Chỉ thị trên máy			Chỉ thị trên chuẩn					Số hiệu chính (kPa)
	(kPa)	(kN)	(kg)	F1(kN)	F1(kN)	F1(kN)	Ftb	F(kPa)	
<u>Vị trí số I</u>									
1	100	0,30		0,298	0,299	0,297	0,298	99,3	0,7
2	200	0,60		0,596	0,599	0,598	0,598	199,2	0,8
3	400	1,20		1,197	1,197	1,198	1,197	399,1	0,9
4	800	2,40		2,398	2,398	2,395	2,397	799,0	1,0
5	1600	4,80		4,797	4,798	4,799	4,798	1599,3	0,7
<u>Vị trí số II</u>									
1	100	0,30		0,303	0,301	0,302	0,302	100,7	-0,7
2	200	0,60		0,601	0,603	0,604	0,603	200,9	-0,9
3	400	1,20		1,199	1,209	1,197	1,202	400,6	-0,6
4	800	2,40		2,400	2,398	2,410	2,403	800,9	-0,9
5	1600	4,80		4,805	4,801	4,801	4,802	1600,8	-0,8
<u>Vị trí số III</u>									
1	100	0,30		0,299	0,296	0,298	0,298	99,2	0,8
2	200	0,60		0,597	0,599	0,596	0,597	199,1	0,9
3	400	1,20		1,198	1,196	1,199	1,198	399,2	0,8
4	800	2,40		2,406	2,408	2,391	2,402	800,6	-0,6
5	1600	4,80		4,797	4,796	4,813	4,802	1600,7	-0,7

- Điều kiện môi trường (*Environmental conditions*)

Nhiệt độ (*Temperature*) : $(28 \pm 2)^\circ\text{C}$

Độ ẩm (*Humidity*) : $(65 \pm 2) \% \text{RH}$

- Độ không đảm bảo đo mở rộng U của phép hiệu chuẩn ứng với mức độ tin cậy $p = 95\%$; hệ số phủ $k=2$.

+ Địa điểm hiệu chuẩn (*place the calibration*):

Đường Cao Thắng, Thôn 8, Lộc Ninh, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình

Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Khang Phúc

Người thực hiện

Calibrated by



Đặng Ngọc Lâm



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG THỬ NGHIỆM

ĐK 72 -VLAC-1.1224

Địa chỉ: TDP 10 - P. Đồng Phú - TP. Đồng Hới - Quảng Bình

Điện thoại: 0919.620.138 - Fax: 0232.3858339 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (N^o): 25031912 /HC

Tên đối tượng (Object): **MÁY NÉN TAM LIÊN**

Kiểu (Type): **WG-1** Số (Serial No): **-**

Nơi sản xuất (Manufacture): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

* P_{max} = 1600 kPa Tiết diện nén: S = 30 cm²

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Khang Phúc**

Nơi sử dụng (Place): **Đường Cao Thắng, Thôn 8, Lộc Ninh, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 108 : 2002**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Lực kế chuẩn được liên kết chuẩn Viện Đo lường Việt Nam

- Thiết bị chỉ thị số: C138Pn176/AG0001/ Matest - Italia

- Đầu đo lực N^o: C140-02(75 kN)/ Matest Italia; Độ KĐBĐ: U = 0,24 %

Kết quả (Results): **Xem kết quả trang 2**

Tem hiệu chuẩn số (Calibration label): **23H 03046**

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): **19/03/2025**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **19/03/2026**

Đồng Hới, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Date of issue

Trưởng phòng Hiệu chuẩn

Head of Calibration Lab

P. GIÁM ĐỐC

Director

Phan Thanh Hà



Lưu Minh Tuấn

Trang:

(Page)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm Quảng Bình

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: 25031912 HC/ ngày 06 tháng 02 năm 2025

Số TT	Chỉ thị trên máy			Chỉ thị trên chuẩn					Số hiệu chính (kPa)
	(kPa)	(kN)	(kg)	F1(kN)	F1(kN)	F1(kN)	Ftb	F(kPa)	
<u>Vị trí số I</u>									
1	100	0,30		0,298	0,299	0,298	0,298	99,4	0,6
2	200	0,60		0,598	0,599	0,598	0,598	199,4	0,6
3	400	1,20		1,197	1,197	1,198	1,197	399,1	0,9
4	800	2,40		2,398	2,398	2,399	2,398	799,4	0,6
5	1600	4,80		4,796	4,798	4,799	4,798	1599,2	0,8
<u>Vị trí số II</u>									
1	100	0,30		0,302	0,301	0,302	0,302	100,6	-0,6
2	200	0,60		0,601	0,603	0,602	0,602	200,7	-0,7
3	400	1,20		1,199	1,209	1,198	1,202	400,7	-0,7
4	800	2,40		2,400	2,398	2,410	2,403	800,9	-0,9
5	1600	4,80		4,805	4,801	4,801	4,802	1600,8	-0,8
<u>Vị trí số III</u>									
1	100	0,30		0,299	0,296	0,298	0,298	99,2	0,8
2	200	0,60		0,597	0,599	0,596	0,597	199,1	0,9
3	400	1,20		1,198	1,196	1,199	1,198	399,2	0,8
4	800	2,40		2,406	2,408	2,391	2,402	800,6	-0,6
5	1600	4,80		4,797	4,798	4,813	4,803	1600,9	-0,9

- Điều kiện môi trường (Environmental conditions)

Nhiệt độ (Temperature) : $(28 \pm 2)^\circ\text{C}$

Độ ẩm (Humidity) : $(65 \pm 2) \% \text{RH}$

- Độ không đảm bảo đo mở rộng U của phép hiệu chuẩn ứng với mức độ tin cậy $p = 95\%$; hệ số phủ $k=2$.

+ Địa điểm hiệu chuẩn (place the calibration):

Đường Cao Thắng, Thôn 8, Lộc Ninh, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình

Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Khang Phúc

Người thực hiện

Calibrated by



Đặng Ngọc Lâm



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG THỬ NGHIỆM

ĐK 72 -VLAC-1.1224

Địa chỉ: TDP 10 - P. Đồng Phú - TP. Đồng Hới - Quảng Bình

Điện thoại: 0919.620.138 - Fax: 0232.3858339 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (N^o): 25031910 /HC

Tên đối tượng (Object): **MÁY CẮT ĐẤT HAI TỐC ĐỘ**

Kiểu (Type): EDJ - 1

Số (Serial No): R2504

Nơi sản xuất (Manufacture): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Phạm vi đo vòng ứng biến: (0 ÷ 120) daN

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Khang Phúc**

Nơi sử dụng (Place): Đường Cao Thắng, Thôn 8, Lộc Ninh, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Lực kế chuẩn được liên kết chuẩn Viện Đo lường Việt Nam

- Thiết bị chỉ thị số: C138Pn176/AG0001/ Matest - Italia

- Đầu đo lực N^o: C140-02(75 kN)/ Matest Italia; Độ KĐBĐ: U = 0,24 %

Kết quả (Results): Xem kết quả trang 2

Tem hiệu chuẩn số (Calibration label): 23H 03047

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 19/03/2025

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 19/03/2026

Đồng Hới, ngày 20 tháng 03 năm 2025

Date of issue

P. GIÁM ĐỐC

Director

Trưởng phòng Hiệu chuẩn

Head of Calibration Lab

Phan Thanh Hà



Lưu Minh Tuấn

Trang:

(Page)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm Quảng Bình

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: 25031910 HC/ ngày 06 tháng 02 năm 2025

Số TT	Chỉ thị trên máy (Biến dạng 0,01 mm)	Chỉ thị trung bình trên chuẩn (daN)	Độ không đảm bảo đo (%)
1	0	0,00	0,00
2	20	11,29	1,08
3	40	23,79	0,56
4	60	31,99	0,44
5	80	41,49	0,37
6	100	50,59	0,34
7	120	60,49	0,31
8	140	72,79	0,29
9	160	80,79	0,28
10	180	91,59	0,27

- Điều kiện môi trường (*Environmental conditions*)

Nhiệt độ (*Temperature*) : $(28 \pm 2)^\circ\text{C}$

Độ ẩm (*Humidity*) : $(65 \pm 2) \% \text{RH}$

- Độ không đảm bảo đo mở rộng U của phép hiệu chuẩn
ứng với mức độ tin cậy $p = 95\%$; hệ số phủ $k=2$.

+ Địa điểm hiệu chuẩn (*place the calibration*):

Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Khang Phúc

Đường Cao Thắng, Thôn 8, Lộc Ninh, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình

Người thực hiện

Calibrated by

Đặng Ngọc Lâm

TDP 10, P. Đồng Phú, TP. Đồng Hới, QB
ĐT: 0919.620.138 - Fax: 0232.3858339

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N^o): 25031908 /KĐ

Tên đối tượng:

CÂN ĐĨA

Object:

Kiểu:

Chỉ thị hiện số

Số:

-

Type:

Serial No:

Nơi sản xuất:

Nhật Bản

Năm:

-

Manufacture:

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Cấp chính xác:

3

Specifications:

Max = 15 kg

d = 0,5 g

Min = 10 g

e = 0,5 g

Nơi sử dụng:

Đường Cao Thắng, Thôn 8, Lộc Ninh, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình

Place:

Người/Đơn vị sử dụng:

Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Khang Phúc

User:

Phương pháp kiểm định:

ĐLVN 15 : 2009

Method of verification :

Kết luận:

Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Conclusion:

Số tem kiểm định:

20B01888

Verification stamp N^o :

Thời hạn đến (*):

Ngày 19 tháng 03 năm 2026

Valid until:

Đồng Hới, ngày 20 tháng 03 năm 2025

Date of issue

Kiểm định viên

Verified by

Đặng Ngọc Lâm

P. GIÁM ĐỐC

Director



Lưu Minh Tuấn

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản
(With respectfulness of reles of use and maintenance)

Trước lúc hết hạn 15 ngày cơ sở liên hệ với Trung tâm KTĐLTN để kiểm định lại. Điện thoại: 0919.620.138

TDP 10, P. Đồng Phú, TP. Đồng Hới, QB
ĐT: 0919.620.138 - Fax: 0232.3858339

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N^o): 25031909 /KĐ

Tên đối tượng:

CÂN ĐĨA

Object:

Kiểu:

Chỉ thị hiện số

Số:

-

Type:

Serial No:

Nơi sản xuất:

Đài Loan

Năm:

-

Manufacture:

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Cấp chính xác:

3

Specifications:

Max = 15 kg

d = 0,5 g

Min = 10 g

e = 0,5 g

Nơi sử dụng:

Đường Cao Thắng, Thôn 8, Lộc Ninh, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình

Place:

Người/Đơn vị sử dụng:

Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Khang Phúc

User:

Phương pháp kiểm định:

ĐLVN 15 : 2009

Method of verification :

Kết luận:

Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Conclusion:

Số tem kiểm định:

20B01887

Verification stamp N^o :

Thời hạn đến (*):

Ngày 19 tháng 03 năm 2026

Valid until:

Đồng Hới, ngày 20 tháng 03 năm 2025

Date of issue

Kiểm định viên

Verified by

Đặng Ngọc Lâm

P. GIÁM ĐỐC

Director



Lưu Minh Tuấn

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản

(With respectfulness of reles of use and maintenance)

Trước lúc hết hạn 15 ngày cơ sở liên hệ với Trung tâm KTĐLTN để kiểm định lại. Điện thoại: 0919.620.138



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG THỬ NGHIỆM

ĐK 72 -VLAC-1.1224

Địa chỉ: TDP 10 - P. Đồng Phú - TP. Đồng Hới - Quảng Bình

Điện thoại: 0919.620.138 - Fax: 0232.3858339 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (N^o): 25031905 /HC

Tên đối tượng (Object): ĐỒNG HỒ SO (THIÊN PHÂN KẾ)

Kiểu (Type): Cơ khí Số (Serial No): 313279

Nơi sản xuất (Manufacture): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications):

Phạm vi đo : (0 ÷ 10) mm

Giá trị độ chia : 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Khang Phúc

Nơi sử dụng (Place): Đường Cao Thắng, Thôn 8, Lộc Ninh, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ căn mẫu chuẩn CT-KH 09

Thiết bị chuẩn Mitutoyo - Nhật Bản; giá trị độ chia: 0,001 mm

Kết quả (Results): Xem kết quả trang 2

Tem hiệu chuẩn số (Calibration label): 23H 03039

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 19/03/2025

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 19/03/2026

Đồng Hới, ngày 20 tháng 03 năm 2025

Date of issue

Trưởng phòng Hiệu chuẩn

Head of Calibration Lab

Phan Thanh Hà

P. GIÁM ĐỐC

Director



Luu Minh Tuan

Trang:

(Page)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm Quảng Bình

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: 25031905 /HC ngày 19 tháng 03 năm 2025

TT	Giá trị ghi trên chuẩn (mm)	Giá trị đọc trên đồng hồ so (mm)	Số hiệu chính (mm)	Ghi chú
1	1,00	1,00	0,00	
2	2,00	2,00	0,00	
3	3,00	3,00	0,00	
4	4,00	4,00	0,00	
5	5,00	5,00	0,00	
6	6,00	6,00	0,00	
7	7,00	7,00	0,00	
8	8,00	8,01	-0,01	
9	9,00	9,01	-0,01	

* Độ lặp lại : $\pm 1 \mu\text{m}$

* Độ hồi sai : $\pm 3 \mu\text{m}$

* Độ không đảm bảo đo $U = 6,3 \mu\text{m}$ với độ tin cậy 95 %, $k = 2$

* Điều kiện môi trường (Environmental conditions)

Nhiệt độ (Temperature) : $(28 \pm 2) ^\circ\text{C}$

Độ ẩm (Humidity) : $(65 \pm 2) \% \text{RH}$

* Nơi hiệu chuẩn: Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Khang Phúc
Đường Cao Thắng, Thôn 8, Lộc Ninh, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình

Người thực hiện

Calibrated by

Đặng Ngọc Lâm



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG THỬ NGHIỆM

ĐK 72 -VLAC-1.1224

Địa chỉ: TDP 10 - P. Đồng Phú - TP. Đồng Hới - Quảng Bình

Điện thoại: 0919.620.138 - Fax: 0232.3858339 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (N^o): 25031906 /HC

Tên đối tượng (Object): **ĐỒNG HỒ SO (THIÊN PHÂN KẾ)**

Kiểu (Type): Cơ khí Số (Serial No): 1097174

Nơi sản xuất (Manufacture): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications):

Phạm vi đo : (0 ÷ 10) mm

Giá trị độ chia : 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Khang Phúc**

Nơi sử dụng (Place): Đường Cao Thắng, Thôn 8, Lộc Ninh, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ căn mẫu chuẩn CT-KH 09

Thiết bị chuẩn Mitutoyo - Nhật Bản; giá trị độ chia: 0,001 mm

Kết quả (Results): Xem kết quả trang 2

Tem hiệu chuẩn số (Calibration label): 23H 03040

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 19/03/2025

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 19/03/2026

Đồng Hới, ngày 20 tháng 03 năm 2025

Date of issue

Trưởng phòng Hiệu chuẩn

Head of Calibration Lab

P. GIÁM ĐỐC

Director

Phan Thanh Hà



Lưu Minh Tuấn

Trang:

(Page)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm Quảng Bình

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: 25031906 /HC ngày 19 tháng 03 năm 2025

TT	Giá trị ghi trên chuẩn (mm)	Giá trị đọc trên đồng hồ so (mm)	Số hiệu chính (mm)	Ghi chú
1	1,00	1,00	0,00	
2	2,00	2,00	0,00	
3	3,00	3,00	0,00	
4	4,00	4,00	0,00	
5	5,00	5,00	0,00	
6	6,00	6,00	0,00	
7	7,00	7,00	0,00	
8	8,00	8,01	-0,01	
9	9,00	9,01	-0,01	

* Độ lặp lại : $\pm 1 \mu\text{m}$

* Độ hồi sai : $\pm 3 \mu\text{m}$

* Độ không đảm bảo đo $U = 6,3 \mu\text{m}$ với độ tin cậy 95 %, $k = 2$

* Điều kiện môi trường (Environmental conditions)

Nhiệt độ (Temperature) : $(28 \pm 2) ^\circ\text{C}$

Độ ẩm (Humidity) : $(65 \pm 2) \% \text{RH}$

* Nơi hiệu chuẩn: Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Khang Phúc
Đường Cao Thắng, Thôn 8, Lộc Ninh, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình

Người thực hiện

Calibrated by

Đặng Ngọc Lâm

Trang:

(Page)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm Quảng Bình

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG THỬ NGHIỆM

ĐK 72 -VLAC-1.1224

Địa chỉ: TDP 10 - P. Đồng Phú - TP. Đồng Hới - Quảng Bình

Điện thoại: 0919.620.138 - Fax: 0232.3858339 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (N^o): 25031907 /HC

Tên đối tượng (Object): **ĐỒNG HỒ SO (THIÊN PHÂN KẾ)**
Kiểu (Type): Cơ khí Số (Serial No): 90410871

Nơi sản xuất (Manufacture): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications):

Phạm vi đo : (0 ÷ 10) mm

Giá trị độ chia : 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Khang Phúc**

Nơi sử dụng (Place): Đường Cao Thắng, Thôn 8, Lộc Ninh, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ căn mẫu chuẩn CT-KH 09

Thiết bị chuẩn Mitutoyo - Nhật Bản; giá trị độ chia: 0,001 mm

Kết quả (Results): Xem kết quả trang 2

Tem hiệu chuẩn số (Calibration label): 23H 03041

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 19/03/2025

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 19/03/2026

Đồng Hới, ngày 20 tháng 03 năm 2025

Date of issue

Trưởng phòng Hiệu chuẩn

Head of Calibration Lab

P. GIÁM ĐỐC

Director

Phan Thanh Hà



Lưu Minh Tuấn

Trang:

(Page)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm Quảng Bình

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: 25031907 /HC ngày 19 tháng 03 năm 2025

TT	Giá trị ghi trên chuẩn (mm)	Giá trị đọc trên đồng hồ so (mm)	Số hiệu chính (mm)	Ghi chú
1	1,00	1,00	0,00	
2	2,00	2,00	0,00	
3	3,00	3,00	0,00	
4	4,00	4,00	0,00	
5	5,00	5,00	0,00	
6	6,00	6,00	0,00	
7	7,00	7,01	-0,01	
8	8,00	8,01	-0,01	
9	9,00	9,02	-0,02	

* Độ lặp lại : $\pm 1 \mu\text{m}$

* Độ hồi sai : $\pm 3 \mu\text{m}$

* Độ không đảm bảo đo $U = 6,3 \mu\text{m}$ với độ tin cậy 95 %, $k = 2$

* Điều kiện môi trường (Environmental conditions)

Nhiệt độ (Temperature) : $(28 \pm 2) ^\circ\text{C}$

Độ ẩm (Humidity) : $(65 \pm 2) \% \text{RH}$

* Nơi hiệu chuẩn: Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Khang Phúc
Đường Cao Thắng, Thôn 8, Lộc Ninh, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình

Người thực hiện

Calibrated by



Đặng Ngọc Lâm



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG THỬ NGHIỆM

ĐK 72 -VLAC-1.1224

Địa chỉ: TDP 10 - P. Đồng Phú - TP. Đồng Hới - Quảng Bình

Điện thoại: 0919.620.138 - Fax: 0232.3858339 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (N^o): 25031903 /HC

Tên đối tượng (Object): **MÁY THỬ NGHIỆM MARSHALL**

Kiểu (Type): LWD-1 Số (Serial No): 4137

Nơi sản xuất (Manufacture): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Phạm vi đo vòng ứng biến: $(0 \div 30)$ kN

Biến dạng đo bằng đồng hồ so: $d = 0,01$ mm/vạch

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Khang Phúc**

Nơi sử dụng (Place): Đường Cao Thắng, Thôn 8, Lộc Ninh, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Lực kế chuẩn được liên kết chuẩn Viện Đo lường Việt Nam

- Thiết bị chỉ thị số: C138Pn176/AG0001/ Matest - Italia

- Đầu đo lực N^o: C140-02(75 kN)/ Matest Italia; Độ KĐBĐ: $U = 0,24$ %

Kết quả (Results): Xem kết quả trang 2

Tem hiệu chuẩn số (Calibration label): 23H 03044

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 19/03/2025

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 19/03/2026

Đồng Hới, ngày 20 tháng 03 năm 2025

Date of issue

Trưởng phòng Hiệu chuẩn

Head of Calibration Lab

Phan Thanh Hà

P. GIÁM ĐỐC

Director



Lưu Minh Tuấn

Trang:

(Page)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm Quảng Bình

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
(*Calibration results*)

Số TT	Giá trị đọc trên máy (kN)	Giá trị trung bình trên chuẩn (kN)	Độ không đảm bảo đo (%)
1	0	0,00	0,00
2	20	2,37	0,59
3	40	4,97	0,60
4	60	7,60	0,51
5	80	10,11	0,48
6	100	13,56	0,51
7	120	15,20	0,45
8	140	17,63	0,58
9	160	19,70	0,48
10	180	22,68	0,45

- Điều kiện môi trường (*Environmental conditions*)

Nhiệt độ (*Temperature*) : $(28 \pm 2)^\circ\text{C}$

Độ ẩm (*Humidity*) : $(65 \pm 2) \% \text{RH}$

- Độ không đảm bảo đo mở rộng U của phép hiệu chuẩn ứng với mức độ tin cậy $p = 95\%$; hệ số phủ $k=2$.

+ Địa điểm hiệu chuẩn (*place the calibration*):

Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Khang Phúc

Đường Cao Thắng, Thôn 8, Lộc Ninh, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình

Người thực hiện

Calibrated by



Đặng Ngọc Lâm

Trang:
(*Page*)
2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm Quảng Bình
(*This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization*)



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG THỬ NGHIỆM

ĐK 72 - VLAC-1.1224

Địa chỉ: TDP 10 - P. Đồng Phú - TP. Đồng Hới - Quảng Bình

Điện thoại: 0919.620.138 - Fax: 0232.3858339 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (N^o): 25031902 /HC

Tên đối tượng (Object): **MÁY THỬ ĐỘ BỀN NÉN**

Kiểu (Type): TYE - 2000 Số (Serial No): 5041

Nơi sản xuất (Manufacture): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Phạm vi đo: (0 ÷ 2000) kN / d = 2,5 kN/ 5 kN

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Khang Phúc**

Nơi sử dụng (Place): Đường Cao Thắng, Thôn 8, Lộc Ninh, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109 : 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Lực kế chuẩn được liên kết chuẩn Viện Đo lường Việt Nam

- Thiết bị chỉ thị số: C138Pn176/AG0001/ Matest - Italia

- Đầu đo lực N^o: C140-08*AG*0002(3000 kN)/ Matest Italia; Độ KĐBĐ: U = 0,24 %

Kết quả (Results): Xem kết quả trang 2

Tem hiệu chuẩn số (Calibration label): 23H 03043

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 19/03/2025

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 19/03/2026

Đồng Hới, ngày 20 tháng 03 năm 2025

Date of issue

Trưởng phòng Hiệu chuẩn

Head of Calibration Lab

P. GIÁM ĐỐC

Director

Phan Thanh Hà



Lưu Minh Tuấn

Trang:
(Page)
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm Quảng Bình

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: 25031902 /HC ngày 19 tháng 03 năm 2025

Số TT	Chỉ thị trên máy (kN)	Chỉ thị TB chuẩn (kN)	ĐKĐBĐ mở rộng U (%)
Thang đo: (0 ÷ 800) kN, d = 2,5 kN			
1	100	99,02	0,70
2	200	196,76	0,56
3	300	301,87	0,71
4	400	401,60	0,70
5	500	502,29	0,56
6	600	600,88	0,60
7	700	702,49	0,62
Thang đo: (0 ÷ 2000) kN, d = 5 kN			
1	200	201,09	0,78
2	400	402,37	0,63
3	600	601,77	0,60
4	800	802,98	0,59
5	1000	1005,74	0,56
6	1200	1204,51	0,59
7	1400	1404,58	0,62
8	1600	1605,11	0,57
9	1800	1807,15	0,58

- Điều kiện môi trường (*Environmental conditions*)

Nhiệt độ (*Temperature*): $(28 \pm 2) ^\circ\text{C}$

Độ ẩm (*Humidity*): $(65 \pm 2) \% \text{RH}$

- Độ không đảm bảo đo mở rộng U của phép hiệu chuẩn ứng với mức độ tin cậy $p = 95\%$; hệ số phủ $k=2$.

+ Địa điểm hiệu chuẩn (*place the calibration*):

Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Khang Phúc

Đường Cao Thắng, Thôn 8, Lộc Ninh, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình

Người thực hiện

Calibrated by


Đặng Ngọc Lâm

Trang:

Page

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm Quảng Bình

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG THỬ NGHIỆM

ĐK 72 - VLAC-1.1224

Địa chỉ: TDP 10 - P. Đồng Phú - TP. Đồng Hới - Quảng Bình

Điện thoại: 0919.620.138 - Fax: 0232.3858339 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (N^o): 25031901 /HC

Tên đối tượng (Object): **MÁY THỬ ĐỘ BỀN KÉO NÉN**

Kiểu (Type): WE - 1000B Số (Serial No): 1101105

Nơi sản xuất (Manufacture): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Phạm vi đo: (0 ÷ 1000) kN

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Khang Phúc**

Nơi sử dụng (Place): Đường Cao Thắng, Thôn 8, Lộc Ninh, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109 : 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Lục kê chuẩn được liên kết chuẩn Viện Đo lường Việt Nam

- Thiết bị chỉ thị số: C138Pn176/AG0001/ Matest - Italia

- Đầu đo lực N^o: C140-08*AG*0002(3000 kN)/ Matest Italia; Độ KĐBĐ: U = 0,24 %

Kết quả (Results): Xem kết quả trang 2

Tem hiệu chuẩn số (Calibration label): 23H 03048

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 19/03/2025

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 19/03/2026

Đồng Hới, ngày 20 tháng 03 năm 2025

Date of issue

Trưởng phòng Hiệu chuẩn

Head of Calibration Lab

P. GIÁM ĐỐC

Director

Phan Thanh Hà



Lưu Minh Tuấn

Trang:

(Page)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm Quảng Bình

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: 25031901 /HC ngày 19 tháng 03 năm 2025

Số TT	Chỉ thị trên máy (kN)	Chỉ thị TB chuẩn (kN)	ĐKĐBĐ mở rộng U (%)
Thang đo 200 kN; d = 0,5 kN			
1	30	30,10	0,58
2	60	60,29	0,57
3	90	90,41	0,67
4	120	120,37	0,61
5	150	151,67	0,61
6	180	181,44	0,70
Thang đo 500 kN; d = 1 kN			
1	100	100,41	0,59
2	200	201,44	0,65
3	300	302,15	0,62
4	400	402,22	0,56
5	450	452,20	0,59
Thang đo: 1000 kN; d = 2 kN			
1	200	199,97	0,56
2	400	401,30	0,57
3	600	602,45	0,65
4	800	801,61	0,56
5	900	902,21	0,67

- Điều kiện môi trường (Environmental conditions)

Nhiệt độ (Temperature) : $(28 \pm 2)^\circ\text{C}$

Độ ẩm (Humidity) : $(65 \pm 2) \% \text{RH}$

- Độ không đảm bảo đo mở rộng U của phép hiệu chuẩn

ứng với mức độ tin cậy $p = 95\%$; hệ số phủ $k=2$.

+ Địa điểm hiệu chuẩn (place the calibration):

Đường Cao Thắng, Thôn 8, Lộc Ninh, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình

Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Khang Phúc

Người thực hiện

Calibrated by


Đặng Ngọc Lâm



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG THỬ NGHIỆM

ĐK 72-VLAC-1.1224

Địa chỉ: TDP 10 - P. Đồng Phú - TP. Đồng Hới - Quảng Bình

Điện thoại: 0919.620.138 - Fax: 0232.3858339 - Email: kiemdinhdoluongqb@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số (N^o): 25031904 /24/HC

Tên đối tượng (Object): TỬ NHIỆT (TỬ SẤY)
 Kiểu (Type): HN 101-2A Số (Series)/ Mã QL: 33946
 Nơi sản xuất (Manufacture): Trung Quốc
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications):
 Phạm vi đo: (10 ÷ 300) °C Giá trị độ chia: 1 °C
 Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Khang Phúc
 Nơi sử dụng (Place): Đường Cao Thắng, Thôn 8, Lộc Ninh, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình
 Phương pháp thực hiện (Method of calibration): QB/HC/06 : 2019
 Chuẩn được sử dụng (Standards used):
 - Nhiệt kế điện tử đa kênh 92000-00 Singapore; Độ KĐBĐ: U = 0,22 °C
 - Hiệu lực của chuẩn đến 05/2025 (Chuẩn được liên kết chuẩn với Quatest 2)
 Kết quả (Results): Xem kết quả trang 2
 Tem hiệu chuẩn số (Calibration label): 23H 03042
 Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 19/03/2025
 Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 19/03/2026

Đồng Hới, ngày 20 tháng 03 năm 2025

Date of issue

Trưởng phòng Hiệu chuẩn
Head of Calibration Lab

P. GIÁM ĐỐC
Director

Phan Thanh Hà



Lưu Minh Tuấn

Trang: Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản
(Page) của Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm Quảng Bình
1/2 (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: 25031904 /24/HC ngày 19 tháng 3 năm 2025

Nhiệt độ cài đặt (°C)	Giá trị trung bình đo được		Số hiệu chính (* (°C)	Độ ổn định (±) (°C)	Độ đồng đều (±) (°C)	Độ KĐBĐ P=95%; k= 2 (°C)
	Chuẩn (°C)	Thiết bị (°C)				
50	49,7	50,0	-0,3	0,36	0,32	0,91
105	104,7	105,0	-0,3	0,39	0,36	0,87
130	129,6	130,0	-0,4	0,43	0,32	0,88

(Điểm nhiệt độ hiệu chuẩn thực hiện theo yêu cầu của khách hàng)

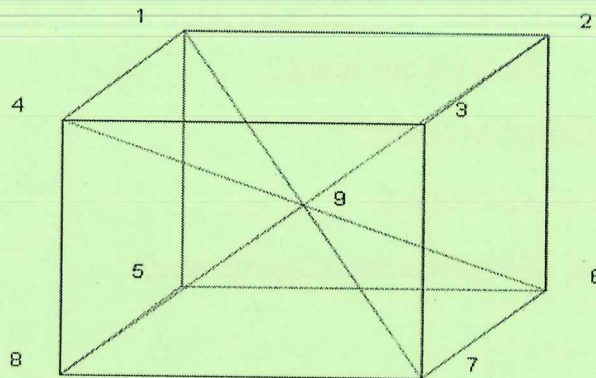
Ghi chú: * Số hiệu chính = Số chỉ trung bình chuẩn - Số chỉ trung bình nhiệt kế

+ Địa điểm hiệu chuẩn: Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Khang Phúc
Đường Cao Thắng, Thôn 8, Lộc Ninh, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình

+ Điều kiện môi trường:

- Nhiệt độ: $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$

- Độ ẩm: $(65 \pm 5) \%$



Sơ đồ bố trí các nhiệt kế chuẩn

Người thực hiện

Calibrated by

Lê Văn Đông

Trang:

(Page)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm Quảng Bình

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of organization)

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là: Công ty TNHH XDTH Khang Phúc.

Địa chỉ: Đường Cao Thắng, thôn 11, xã Lộc Ninh, TP Đồng Hới, Quảng Bình

Đại diện là Ông: Nguyễn Xuân Lộc

Chức vụ: Giám đốc.

Điện thoại: 0989 427788 - Gmail: Khangphuc99999@gmail.com.

Mã số thuế: 3101046609

Và một bên là Ông: Trương Tuấn Vũ

Quốc tịch: Việt Nam.

Sinh ngày 07 tháng 6 năm 1991 tại Sơn Thủy, Lệ Thủy.

Nghề nghiệp: Trung cấp nghề.

Địa chỉ thường trú: Sơn Thủy - huyện Lệ Thủy – T.Quảng Bình.

Số CCCD (hoặc CMND): 194489154 cấp ngày 23/10/2008 tại CA Quảng Bình.

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết thực hiện đúng những Điều,

Khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

* Loại hợp đồng lao động: Dài hạn.

* Địa điểm làm việc: Công ty TNHH XDTH Khang Phúc

* T Đường Cao Thắng, thôn 11, xã Lộc Ninh, TP Đồng Hới, Quảng Bình và những nơi khác theo yêu cầu của công việc Giám đốc giao.

* Công việc: Cán bộ phòng kỹ thuật và các công việc chuyên môn khác.

Điều 2: Chế độ làm việc

* Thời giờ làm việc: Theo tiến độ dự án.

* Được cấp phát những dụng cụ làm việc.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

* Phương tiện đi lại làm việc: Tự túc

* Mức lương chính hoặc tiền công: Khoán theo sản phẩm.

* Hình thức trả lương: Thanh toán lương hàng tháng.

* Phụ cấp gồm: Có phụ cấp xăng xe và điện thoại hàng tháng.

* Được trả lương vào các ngày 26 hàng tháng.

* Tiền thưởng: Theo quy định của công ty.

* Chế độ nâng lương: Theo quy định của công ty.

* Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Mỗi năm có phụ cấp đồng phục của công ty.

* Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): Theo chế độ quy định của Nhà nước.

* Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế: Tự nguyện.

* Chế độ đào tạo: Theo yêu cầu công việc và năng lực.

Những thỏa thuận khác:

2. Nghĩa vụ:

- * Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- * Chấp hành lệnh điều hành của công ty.
- * Bồi thường vi phạm vật chất do mình gây ra (trừ trường hợp bất khả kháng).

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động.

1. Nghĩa vụ:

* Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.

* Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

* Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc).

* Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5: Điều khoản thi hành.

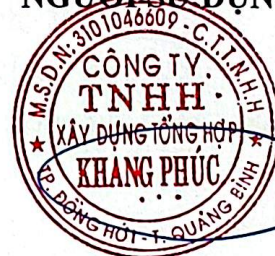
* Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng qui định của thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.

* Hợp đồng lao động được lập tại văn phòng Công ty TNHH XDTH Khang Phúc và được làm thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực kể từ ngày ký. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này./.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trương Tuấn Vũ

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG



Nguyễn Xuân Lộc

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là: Công ty TNHH XDTH Khang Phúc.

Địa chỉ: Đường Cao Thắng, thôn 11, xã Lộc Ninh, TP Đồng Hới, Quảng Bình

Đại diện là Ông: Nguyễn Xuân Lộc

Chức vụ: Giám đốc.

Điện thoại: 0989 427788 - GMail: Khangphuc99999@gmail.com.

Mã số thuế: 3101046609

Và một bên là Ông: Trương Thiên Văn

Quốc tịch: Việt Nam.

Sinh ngày 21 tháng 04 năm 1993 tại Sơn Thủy, Lệ Thủy.

Nghề nghiệp: Trung cấp nghề.

Địa chỉ thường trú: Sơn Thủy - huyện Lệ Thủy – T.Quảng Bình.

Số CCCD (hoặc CMND): 194495866 cấp ngày 23/10/2008 tại CA Quảng Bình.

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết thực hiện đúng những Điều, Khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

* Loại hợp đồng lao động: Dài hạn.

* Địa điểm làm việc: Công ty TNHH XDTH Khang Phúc

* T Đường Cao Thắng, thôn 11, xã Lộc Ninh, TP Đồng Hới, Quảng Bình và những nơi khác theo yêu cầu của công việc Giám đốc giao.

* Công việc: Cán bộ phòng kỹ thuật và các công việc chuyên môn khác.

Điều 2: Chế độ làm việc

* Thời giờ làm việc: Theo tiến độ dự án.

* Được cấp phát những dụng cụ làm việc.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

* Phương tiện đi lại làm việc: Tự túc

* Mức lương chính hoặc tiền công: Khoán theo sản phẩm.

* Hình thức trả lương: Thanh toán lương hàng tháng.

* Phụ cấp gồm: Có phụ cấp xăng xe và điện thoại hàng tháng.

* Được trả lương vào các ngày 26 hàng tháng.

* Tiền thưởng: Theo quy định của công ty.

* Chế độ nâng lương: Theo quy định của công ty.

* Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Mỗi năm có phụ cấp đồng phục của công ty.

* Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): Theo chế độ quy định của Nhà nước.

* Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế: Tự nguyện.

* Chế độ đào tạo: Theo yêu cầu công việc và năng lực.

Những thỏa thuận khác:

2. Nghĩa vụ:

- * Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- * Chấp hành lệnh điều hành của công ty.
- * Bồi thường vi phạm vật chất do mình gây ra (trừ trường hợp bất khả kháng).

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động.

1. Nghĩa vụ:

* Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.

* Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

* Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc).

* Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5: Điều khoản thi hành.

* Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng qui định của thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.

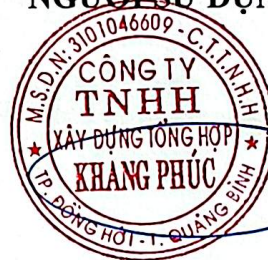
* Hợp đồng lao động được lập tại văn phòng Công ty TNHH XDTH Khang Phúc và được làm thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực kể từ ngày ký. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này./.

NGƯỜI LAO ĐỘNG



Trương Thiên Văn

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG



Nguyễn Xuân Lộc

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là: Công ty TNHH XDTH Khang Phúc.

Địa chỉ: Đường Cao Thắng, thôn 11, xã Lộc Ninh, TP Đồng Hới, Quảng Bình

Đại diện là Ông: Nguyễn Xuân Lộc

Chức vụ: Giám đốc.

Điện thoại: 0989 427788 - Gmail: Khangphuc99999@gmail.com.

Mã số thuế: 3101046609

Và một bên là Ông: Lê Ngọc Hai

Quốc tịch: Việt Nam.

Sinh ngày 28 tháng 4 năm 1983 tại Quảng Bình.

Nghề nghiệp: Thí nghiệm viên.

Địa chỉ thường trú: Xã Lộc Ninh – TP. Đồng Hới – T.Quảng Bình.

Số CCCD (hoặc CMND): 044083012500 cấp ngày 25/06/2021 tại CA Quảng Bình.

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết thực hiện đúng những Điều, Khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

* Loại hợp đồng lao động: Dài hạn.

* Địa điểm làm việc: Công ty TNHH XDTH Khang Phúc

* T Đường Cao Thắng, thôn 11, xã Lộc Ninh, TP Đồng Hới, Quảng Bình và những nơi khác theo yêu cầu của công việc Giám đốc giao.

* Công việc: Cán bộ phòng kỹ thuật và các công việc chuyên môn khác.

Điều 2: Chế độ làm việc

* Thời giờ làm việc: Theo tiến độ dự án.

* Được cấp phát những dụng cụ làm việc.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

* Phương tiện đi lại làm việc: Tự túc

* Mức lương chính hoặc tiền công: Khoán theo sản phẩm.

* Hình thức trả lương: Thanh toán lương hàng tháng.

* Phụ cấp gồm: Có phụ cấp xăng xe và điện thoại hàng tháng.

* Được trả lương vào các ngày 26 hàng tháng.

* Tiền thưởng: Theo quy định của công ty.

* Chế độ nâng lương: Theo quy định của công ty.

* Được trang bị bảo hộ lao động gồm: Mỗi năm có phụ cấp đồng phục của công ty.

* Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): Theo chế độ quy định của Nhà nước.

* Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế: Tự nguyện.

* Chế độ đào tạo: Theo yêu cầu công việc và năng lực.

Những thỏa thuận khác:

2. Nghĩa vụ:

- * Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- * Chấp hành lệnh điều hành của công ty.
- * Bồi thường vi phạm vật chất do mình gây ra (trừ trường hợp bất khả kháng).

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động.

1. Nghĩa vụ:

- * Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- * Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- * Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc).
- * Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5: Điều khoản thi hành.

- * Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng qui định của thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.

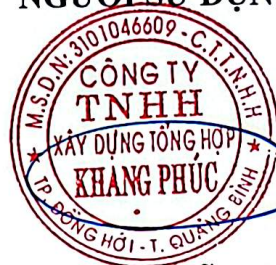
- * Hợp đồng lao động được lập tại văn phòng **Công ty TNHH XDTH Khang Phúc** và được làm thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực kể từ ngày ký. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này./.

NGƯỜI LAO ĐỘNG



Lê Ngọc Hai

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG



Nguyễn Xuân Lộc

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP
KHANG PHÚC**



**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP
KHANG PHÚC**

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

MÃ SỐ : STCL
LẦN BAN HÀNH : 01
NGÀY BAN HÀNH : 02/05/2023

SOẠN THẢO

KIỂM TRA

PHÊ DUYỆT

	SỔ TAY CHẤT LƯỢNG	Mã số: STCL Lần ban hành: 01 Ngày BH: 02/05/2023
--	--------------------------	--

MỤC LỤC

Chương 1 : Giới thiệu Sổ tay chất lượng

- 1.1 Mục đích
- 1.2 Phạm vi áp dụng
- 1.3 Tài liệu tham khảo
- 1.4 Định nghĩa thuật ngữ và chữ viết tắt
- 1.5 Công bố chính sách chất lượng

Chương 2 : Cơ cấu tổ chức

- 2.1 Tư cách pháp nhân
- 2.2 Sơ đồ cơ cấu tổ chức
- 2.3 Trách nhiệm và quyền hạn

Chương 3 : Hệ thống quản lý chất lượng

- 3.1 Hệ thống chất lượng
- 3.2 Cấu trúc hệ thống tài liệu

Phụ lục 1 : Danh mục các qui trình, qui định, hướng dẫn có liên quan.

Chương 4 : Các yêu cầu về quản lý

- 4.1 Tổ chức
- 4.2 Hệ thống chất lượng
- 4.3 Kiểm soát tài liệu
- 4.4 Xem xét yêu cầu, đề nghị và hợp đồng
- 4.5 Hợp đồng phụ về thử nghiệm
- 4.6 Mua dịch vụ và đồ cung cấp
- 4.7 Dịch vụ đối với khách hàng
- 4.8 Phàn nàn và khiếu nại
- 4.9 Kiểm soát công việc không phù hợp
- 4.10 Cải tiến
- 4.11 Hành động khắc phục
- 4.12 Hành động phòng ngừa
- 4.13 Kiểm soát hồ sơ
- 4.14 Đánh giá chất lượng nội bộ
- 4.15 Xem xét của lãnh đạo

Chương 5 : Các yêu cầu về kỹ thuật

- 5.1 Yêu cầu chung
- 5.2 Nhân sự
- 5.3 Tiện nghi và môi trường
- 5.4 Phương pháp thử và phê duyệt phương pháp
- 5.5 Thiết bị
- 5.6 Liên kết chuẩn đo lường
- 5.7 Quản lý mẫu
- 5.8 Đảm bảo chất lượng kết quả thử nghiệm
- 5.9 Báo cáo thử nghiệm

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG	Mã số: STCL Lần ban hành: 01 Ngày BH: 02/05/2023
--------------------------	--

Chương 1

GIỚI THIỆU SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

1.1 MỤC ĐÍCH

Sổ tay chất lượng là tài liệu cao nhất trong hệ thống quản lý chất lượng của Phòng thí nghiệm trực thuộc CÔNG TY TNHH XDTH KHANG PHÚC (sau đây gọi là: **Công ty**); hoạt động trong lĩnh vực thí nghiệm vật liệu xây dựng. Nó mô tả các hoạt động quản lý chất lượng, các trách nhiệm, quyền hạn của mọi cán bộ nhân viên, đồng thời viện dẫn các quy trình hoặc tài liệu áp dụng để đảm bảo Hệ thống quản lý chất lượng của Phòng Thí nghiệm phù hợp với chức năng nhiệm vụ được quy định và phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

Sổ tay này cũng nhằm mục đích cung cấp thông tin về hệ thống quản lý chất lượng Phòng thí nghiệm cho khách hàng và các tổ chức bên ngoài muốn tìm hiểu hoạt động của Công ty.

1.2 PHẠM VI ÁP DỤNG

Công ty xây dựng và thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng cho lĩnh vực hoạt động cung cấp dịch vụ thí nghiệm vật liệu xây dựng của Phòng thí nghiệm để đảm bảo chất lượng kết quả phân tích tốt nhất và Hệ thống quản lý chất lượng luôn được cải tiến liên tục.

Hệ thống quản lý chất lượng này được áp dụng tại Phòng thí nghiệm, là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ trong tổ chức của Công ty, trực thuộc Giám đốc Công ty và được giao nhiệm vụ thực hiện thử nghiệm các tính chất của vật liệu xây dựng.

1.3 TÀI LIỆU THAM KHẢO

ISO/IEC 17025:2017 General Requirements for the Competence of Testing and Calibration Laboratories

1.4 ĐỊNH NGHĨA THUẬT NGỮ VÀ CHỮ VIẾT TẮT

1.4.1 Định nghĩa các thuật ngữ

Hệ thống chất lượng: Cơ cấu tổ chức, các quy trình, quá trình và nguồn lực cần thiết để thực hiện quản lý chất lượng.

Đảm bảo chất lượng: Toàn bộ các hoạt động có kế hoạch và hệ thống cần thiết để tạo sự tin tưởng, thoả đáng rằng dịch vụ sẽ thoả mãn các yêu cầu về chất lượng.

Cán bộ Quản lý chất lượng: Người chịu trách nhiệm về việc áp dụng hệ thống chất lượng của một tổ chức.

Sổ tay chất lượng: Tài liệu công bố chính sách chất lượng, hệ thống chất lượng và thực hành chính sách chất lượng.

Chính sách chất lượng: Là những ý tưởng, định hướng chung của một tổ chức có liên quan đến chất lượng và được Lãnh đạo cao nhất công bố.

Quy trình: Cách thức cụ thể để tiến hành một hoạt động hay quá trình.

1.4.2 Những từ viết tắt

	SỔ TAY CHẤT LƯỢNG	Mã số: STCL Lần ban hành: 01 Ngày BH: 02/05/2023
--	--------------------------	--

STCL : Sổ tay chất lượng.
PTN : Phòng thí nghiệm
HTQLCL : Hệ thống quản lý chất lượng

1.5 CÔNG BỐ CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

Công ty xây dựng và áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 cho PTN nhằm mục đích đảm bảo chất lượng kết quả đo, thử nghiệm đáp ứng tốt nhất nhu cầu ngày càng nâng cao của khách hàng.

Trưởng phòng cam kết nhân viên PTN có đủ năng lực và nguồn lực cần thiết để thực hành chuyên môn tốt nhằm đảm bảo kết quả đo, thử nghiệm đạt được các tiêu chí sau:

Tính chính xác;
Tính trung thực, khách quan;
Tính kịp thời.

Trưởng phòng cam kết luôn duy trì HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 và thường xuyên cải tiến hiệu lực của Hệ thống quản lý này. Tất cả nhân viên PTN đều được phổ biến và hiểu rõ HTQLCL. Mỗi người, trong công việc của mình, phải có ý thức và trách nhiệm áp dụng đúng các quy trình và hướng dẫn của HTQLCL.

CÔNG TY TNHH XDTH KHANG PHÚC



NGUYỄN XUÂN LỘC

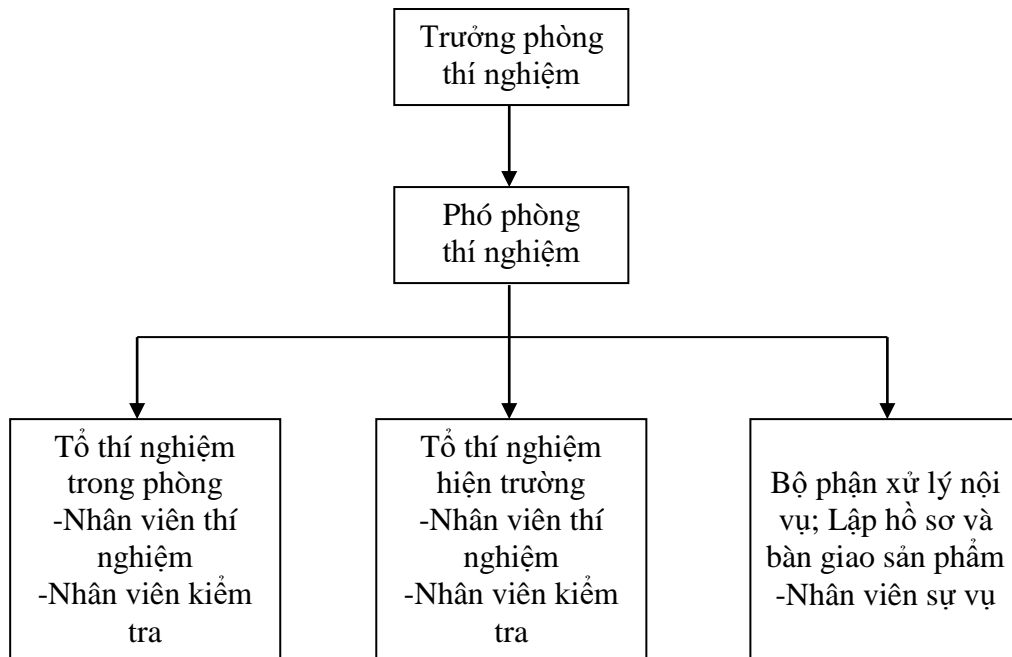
	SỔ TAY CHẤT LƯỢNG	Mã số: STCL Lần ban hành: 01 Ngày BH: 02/05/2023
--	--------------------------	--

Chương 2

CƠ CẤU TỔ CHỨC

2.1 TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

2.2 SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC PHÒNG THÍ NGHIỆM



2.3 TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

-Theo QĐ-04 sơ đồ tổ chức, chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của CBNV Phòng thí nghiệm.

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG	Mã số: STCL Lần ban hành: 01 Ngày BH: 02/05/2023
--------------------------	--

Chương 3

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

3.1 HỆ THỐNG CHẤT LƯỢNG

Xác định yêu cầu và cấu trúc hệ thống quản lý của PTN tuân thủ theo yêu cầu của TCVN ISO/IEC 17025:2017.

Xác định các tiêu chí và phương pháp cần thiết để đảm bảo cho việc điều hành và kiểm soát các HTCL này đạt hiệu quả thông qua:

- Cam kết của Lãnh đạo.
- Chính sách chất lượng.
- Mục tiêu chất lượng.
- Định hướng vào khách hàng.
- Quy trình xem xét của lãnh đạo.

3.2 CẤU TRÚC TÀI LIỆU CỦA HỆ THỐNG CHẤT LƯỢNG

3.2.1 Nội dung của Sổ tay Chất lượng

Sổ tay chất lượng gồm 5 chương với các nội dung

Chương 1 : Giới thiệu sổ tay chất lượng

Chương 2 : Cơ cấu tổ chức

Chương 3 : Hệ thống quản lý chất lượng

Chương 4 : Các yêu cầu về quản lý

Chương 5 : Các yêu cầu về kỹ thuật

3.2.2 Tài liệu của Hệ thống Chất lượng

Hệ thống tài liệu của PTN được định kỳ xem xét hàng năm để đảm bảo duy trì tính nhất quán của hệ thống quản lý khi có bất kỳ sự thay đổi nào đối với hệ thống quản lý được hoạch định và thực hiện. Hệ thống tài liệu của PTN gồm:

a. Các quy trình; qui định.

Được biên soạn và ban hành nhằm quy định trách nhiệm, cách thức tiến hành các hoạt động và các biểu mẫu có liên quan

b. Các phương pháp thử

Là các tài liệu được đánh giá phê duyệt áp dụng tại PTN

c. Các hướng dẫn công việc

Được biên soạn tóm tắt, dễ hiểu để tất cả nhân viên dễ dàng thực hiện công việc theo một cách thống nhất.

d. Các biểu mẫu

Bao gồm các biểu mẫu của các quy trình và của các hướng dẫn công việc. Biểu mẫu được sử dụng để ghi chép khi thực hiện công việc.

Các biểu mẫu của các quy trình và của các hướng dẫn được mô tả trong các quy trình và các hướng dẫn liên quan.

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG	Mã số: STCL Lần ban hành: 01 Ngày BH: 02/05/2023
--------------------------	--

PHỤ LỤC 1 : DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH, QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN

Hệ thống bao gồm 11 quy trình, 05 quy định và 01 hướng dẫn cụ thể như sau:

STT	Tên quy trình	Mã số
1	Quy trình kiểm soát tài liệu	QT-01
2	Quy trình thuê, mua hàng hóa, dịch vụ bên ngoài	QT-02
3	Quy trình lấy mẫu thí nghiệm	QT-03
4	Quy trình quản lý thiết bị	QT-04
5	Quy trình theo dõi, xử lý phản hồi của khách hàng	QT-05
6	Quy trình kiểm soát công việc không phù hợp	QT-06
7	Quy trình hướng dẫn khắc phục phòng ngừa, cải tiến	QT-07
8	Quy trình kiểm soát hồ sơ	QT-08
9	Quy trình kiểm soát quá trình thí nghiệm	QT-09
10	Quy trình quản lý rủi ro	QT-10
11	Quy trình đánh giá nội bộ	QT-11
12	Quy định mục tiêu chất lượng	QĐ-01
13	Quy định kiểm tra kết quả thí nghiệm	QĐ-02
14	Quy định nội qui Phòng thí nghiệm	QĐ-03
15	Quy định SĐTC, CNNV phòng thí nghiệm	QĐ-04
16	Quy định lưu, bảo quản và huỷ mẫu	QĐ-05
17	Hướng dẫn vận hành máy thí nghiệm	HD-01

Chương 4

CÁC YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ

4.1 TỔ CHỨC

Thể hiện trong chương 2 của STCL

4.2 HỆ THỐNG CHẤT LƯỢNG

Thể hiện trong chương 1 và chương 3 của STCL

4.3 KIỂM SOÁT TÀI LIỆU

4.3.1 Mục đích

Kiểm soát tài liệu nhằm mục đích đảm bảo tài liệu nội bộ và tài liệu bên ngoài có liên quan đến hệ thống chất lượng của PTN đều được người có thẩm quyền phê duyệt trước khi đưa vào sử dụng, đồng thời tài liệu mới nhất luôn có sẵn tại nơi cần sử dụng.

4.3.2 Mô tả

	SỔ TAY CHẤT LƯỢNG	Mã số: STCL Lần ban hành: 01 Ngày BH: 02/05/2023
--	--------------------------	--

Việc kiểm soát tài liệu được thực hiện từ khâu lập kế hoạch, biên soạn/soát xét, phê duyệt, ban hành, phân phối, cập nhật và hủy bỏ (các bản sao tài liệu dùng để tham khảo hoặc là những tài liệu dùng để đào tạo có thể không cần phải kiểm soát theo quy trình kiểm soát tài liệu).

4.4 XEM XÉT YÊU CẦU, ĐỀ NGHỊ VÀ HỢP ĐỒNG

4.4.1 Mục đích

Quy định cách thức tiến hành để thoả mãn tối đa nhu cầu của khách hàng trong hoàn cảnh thực trạng về năng lực của PTN.

4.4.2 Mô tả

a. Phòng thử nghiệm luôn thực hiện việc xem xét và thảo luận với khách hàng về các yêu cầu/ hợp đồng đo, thử nghiệm (kể cả trường hợp thực hiện hợp đồng phụ) nhằm đảm bảo:

- Chấp nhận các yêu cầu/ hợp đồng phù hợp với năng lực hiện tại của Phòng thử nghiệm.

- Thoả mãn tối đa yêu cầu của khách hàng và đảm bảo tốt chất lượng của dịch vụ Phòng thử nghiệm.

b. Mọi khác biệt trong Yêu cầu/ Hợp đồng đều được giải quyết trước khi tiến hành công việc và đảm bảo mỗi Hợp đồng phải được Phòng thử nghiệm và khách hàng chấp nhận:

- Khi có sự thay đổi của khách hàng đối với Yêu cầu/ Hợp đồng đã được chấp nhận thì Phòng thử nghiệm tiến hành xem xét và thảo luận lại với khách hàng và ghi nhận lại sự thống nhất giữa hai bên.

- Khi có sự thay đổi của Phòng thử nghiệm đối với Yêu cầu/ Hợp đồng đã được chấp nhận thì Phòng thử nghiệm thông báo bằng văn bản cho khách hàng biết và phải được sự đồng ý của khách hàng bằng văn bản.

- Khi có sự thay đổi của khách hàng đối với Yêu cầu/ Hợp đồng đã được chấp nhận mà công việc đã thực hiện, Phòng thử nghiệm sẽ lặp lại quá trình xem xét Yêu cầu/ Hợp đồng.

c. Các nhân viên có liên quan được thông báo về những thay đổi trong Yêu cầu/ Hợp đồng đã được chấp nhận (nếu có).

d. Việc xem xét các Yêu cầu/ Hợp đồng có thể được giảm nhẹ so với thủ tục trong trường hợp các yêu cầu đó là những công việc thường xuyên, hàng ngày của Phòng thử nghiệm.

e. Việc xem xét các Yêu cầu/ Hợp đồng được thực hiện theo Quy trình.

f. Trong trường hợp với công việc thường xuyên, hàng ngày và năng lực thực tại của PTN không thay đổi thì việc xem xét yêu cầu có thể không cần thực hiện nghiêm ngặt theo đúng thủ tục.

4.5 HỢP ĐỒNG PHỤ VỀ THỬ NGHIỆM

4.5.1 Mục đích

Xác định cách thức mà PTN cần phải thực hiện để đảm bảo khi có sử dụng hợp đồng phụ là phải thoả mãn yêu cầu của khách hàng và yêu cầu của TCVN ISO/IEC 17025: 2017.

4.5.2 Mô tả

a. Phòng thử nghiệm thực hiện hợp đồng phụ trong những trường hợp sau:

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG	Mã số: STCL Lần ban hành: 01 Ngày BH: 02/05/2023
--------------------------	--

- Khách hàng đề nghị nhà thầu phụ (1).
 - Cơ quan có thẩm quyền chỉ định nhà thầu phụ (2).
 - Tạm thời hoặc đột xuất vượt quá năng lực (về con người, thiết bị kỹ thuật, tiện nghi môi trường) hiện có của Phòng thử nghiệm (3).
 - Các phép thử nằm ngoài danh mục đã công bố của Phòng thử nghiệm (4).
- b. Khi thực hiện hợp đồng phụ cho hai trường hợp (1) và (2) trên, nếu có thể PTN chỉ cần đưa ra chứng cứ mà cơ quan có thẩm quyền chỉ định hoặc đề nghị của khách hàng.
- c. Thực hiện mà không cần phải xem xét theo đúng quy định trong chương này.
- d. Thực hiện hợp đồng phụ trường hợp (3) và (4) phải đảm bảo các yêu cầu sau:
- Những nhà thầu phụ được lựa chọn yêu cầu Phòng thử nghiệm đã được công nhận.
 - Phải thông báo bằng văn bản cho khách hàng và chỉ thực hiện hợp đồng phụ khi có sự đồng ý của khách hàng bằng văn bản (trừ hợp đồng phụ được chỉ định).
 - Phòng thử nghiệm chịu trách nhiệm trước khách hàng về kết quả công việc của nhà thầu phụ, trừ trường hợp khách hàng hoặc cơ quan thẩm quyền chỉ định nhà thầu phụ.
 - Danh sách các nhà thầu phụ được (lãnh đạo có thẩm quyền) phê duyệt. Danh sách này phải bao gồm các chỉ tiêu, phương pháp đo, thử mà nhà thầu phụ có khả năng thực hiện.
 - Phòng thử nghiệm thường xuyên theo dõi hoặc giám sát hoạt động của các nhà thầu phụ đã được phê duyệt nhằm đảm bảo duy trì hoạt động thầu phụ luôn phù hợp với yêu cầu .
 - Hồ sơ nhà thầu phụ được lưu giữ trong tập Hồ sơ nhà thầu phụ và được kiểm soát theo Quy trình kiểm soát hồ sơ QT-08.
 - Việc thực hiện hợp đồng phụ về thử nghiệm được thực hiện theo Quy trình

4.6 MUA DỊCH VỤ VÀ QUẢN LÝ VẬT TƯ HÓA CHẤT

4.6.1 Mục đích

Đảm bảo việc mua dịch vụ và đồ cung cấp theo đúng yêu cầu

4.6.2 Mô tả

- a. Phòng thử nghiệm thực hiện kiểm soát tất cả các hàng hoá, dịch vụ cần sử dụng cho hoạt động thử nghiệm có ảnh hưởng đến chất lượng kết quả công việc. Việc kiểm soát được thực hiện từ khâu lựa chọn nhà cung cấp, phê duyệt nhu cầu mua sắm/ thuê dịch vụ và kiểm tra hàng hoá/ dịch vụ được cung cấp trước khi đưa vào sử dụng.
- b. Phòng thử nghiệm chỉ lựa chọn các nhà cung cấp được Phòng thử nghiệm đánh giá là phù hợp. Ưu tiên cho các nhà cung cấp được công nhận/ chứng nhận bởi cơ quan công nhận Quốc gia hoặc Quốc tế hoặc các tổ chức chứng nhận.
- c. Trước khi đưa vào danh sách các nhà cung cấp được lựa chọn phải có đầy đủ các thông tin cần thiết để đánh giá được năng lực của nhà cung cấp đó.
- d. Việc mua sắm các đồ cung cấp/ dịch vụ phải được người có thẩm quyền phê duyệt từ khâu đề nghị.
- e. Hàng hoá/ dịch vụ phải được kiểm tra trước khi sử dụng.
- f. Dịch vụ mua sắm và nguồn cung cấp được thực hiện theo Quy trình.
- g. Các thông tin liên quan đến dịch vụ mua sắm và nguồn cung cấp được lưu giữ trong Hồ sơ nhà cung cấp theo Quy trình kiểm soát hồ sơ.

4.7 DỊCH VỤ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG	Mã số: STCL Lần ban hành: 01 Ngày BH: 02/05/2023
--------------------------	--

4.7.1 Mục đích

Đảm bảo sự hài lòng của khách hàng về dịch vụ thử nghiệm của PTN.

4.7.2 Quy Định Quyền Sở Hữu Và Bảo Mật Thông Tin Của Khách Hàng

Phòng Thí nghiệm thuộc CÔNG TY TNHH XDTH KHANG PHÚC xác nhận và tôn trọng quyền sở hữu của khách hàng về các thông tin liên quan đến mẫu thử và kết quả thử nghiệm. PTN có trách nhiệm lưu giữ và bảo mật các thông tin này vì lợi ích của khách hàng.

Bất kỳ thông tin liên quan đến mẫu thử và kết quả thử nghiệm chỉ được cung cấp cho các cá nhân, đơn vị (không phải là khách hàng) khi được sự đồng ý của chính khách hàng hoặc yêu cầu của các cơ quan chức năng theo qui định của pháp luật.

Việc bảo mật thông tin về mẫu được thực hiện thông qua các yêu cầu sau:

Mã hóa mẫu: PTN có nhiệm vụ mã hóa mẫu theo quy định. Trường hợp PTN thực hiện lấy mẫu hoặc thử nghiệm tại hiện trường phải thực hiện theo nguyên tắc bảo mật cho khách hàng.

Khách hàng chứng kiến thử nghiệm chỉ trong một chừng mực nhất định dưới sự hướng dẫn của nhân viên PTN để bảo mật cho các khách hàng khác.

Chuyển giao kết quả thử nghiệm: Nhân viên được Trưởng phòng phân công trực tiếp giao kết quả thử nghiệm cho khách hàng hoặc qua đường bưu điện (không sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc khác).

Tiếp cận và sử dụng các hồ sơ thử nghiệm: Chỉ những người có thẩm quyền của Công ty mới được phép tiếp cận, sử dụng.

Khi có bất kỳ cá nhân nào vi phạm quyền sở hữu và bảo mật thông tin, Trưởng phòng có trách nhiệm lập hồ sơ vụ việc, đề nghị biện pháp xử lý theo qui định của Công ty và các hành động khắc phục nếu cần thiết.

4.8 PHẢN NÀN VÀ KHIẾU NẠI

4.8.1 Mục đích

Đảm bảo thoả mãn sự phàn nàn, khiếu nại của khách hàng đồng thời tìm nguyên nhân, khắc phục những điều không phù hợp

Phàn nàn: là ý kiến bày tỏ sự không hài lòng của một cá nhân hoặc đơn vị khách hàng về mọi mặt hoạt động của PTN và mong muốn nhận được sự phản hồi.

Khiếu nại: là việc khách hàng yêu cầu xem xét lại kết quả phân tích hoặc các nhận xét, kết luận trên Phiếu kết quả phân tích do Công ty ban hành.

4.8.2 Mô tả

a. Mọi phàn nàn, khiếu nại của khách hàng liên quan đến hoạt động thử nghiệm, kết quả thử nghiệm, sự sai lệch so với hợp đồng/thỏa thuận đều phải được giải quyết kịp thời nhằm thoả mãn tất cả các yêu cầu chính đáng của khách hàng, tìm ra nguyên nhân để khắc phục và hoàn thiện các hoạt động của phòng thử nghiệm.

b. Các phàn nàn, khiếu nại của khách hàng phải được xem xét để giải quyết theo Quy trình Giải quyết phàn nàn.

c. Kết quả giải quyết khiếu nại phải được lập thành văn bản và gửi cho khách hàng.

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG	Mã số: STCL Lần ban hành: 01 Ngày BH: 02/05/2023
--------------------------	--

d. Hồ sơ của tất cả các phân nản, khiếu nại, các lần điều tra, hành động khắc phục được tiến hành và kết quả giải quyết khiếu nại đều phải được lưu trong hồ sơ theo Quy trình kiểm soát hồ sơ.

4.9 KIỂM SOÁT CÔNG VIỆC KHÔNG PHÙ HỢP

4.9.1 Mục đích

Nhằm kiểm soát và giải quyết tốt những vấn đề không phù hợp trong công việc thử nghiệm.

4.9.2 Mô tả

a. Bất kỳ khía cạnh nào về hoạt động thử nghiệm hoặc kết quả đo, thử nghiệm không phù hợp với các quy định, thử tực đã được đề ra; hoặc không đúng theo yêu cầu đã thỏa thuận với khách hàng đều phải được kiểm soát.

b. Việc kiểm soát công việc không phù hợp phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- Xác định rõ người có trách nhiệm và quyền hạn quản lý các công việc không phù hợp kèm theo quy định cụ thể các hành động tương ứng phải được thực thi khi phát hiện công việc không phù hợp bao gồm cả quyền được tạm dừng công việc, giữ lại báo cáo kết quả đo, thử nghiệm (khi cần thiết).

- Đánh giá mức độ nghiêm trọng khi phát hiện công việc không phù hợp để xác định khả năng chấp nhận hoặc phải thực hiện ngay những hành động khắc phục tương ứng.

- Đánh giá mức độ ảnh hưởng của công việc không phù hợp với kết quả đo, thử nghiệm để thông báo cho khách hàng và thu hồi lại kết quả không phù hợp (khi cần thiết).

- Quy định thẩm quyền cho phép tiếp tục công việc trở lại sau khi thực hiện hành động khắc phục tương ứng.

c. Việc kiểm soát công việc không phù hợp và những hành động tương ứng phải được ghi chép và lưu trong hồ sơ công việc không phù hợp theo Quy trình Kiểm soát hồ sơ.

4.10 CẢI TIẾN

4.10.1 Mục đích

Nhằm mục đích ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ thử nghiệm và hiệu quả của hệ thống quản lý.

4.10.1 Mô tả

- Cải tiến thường xuyên thông qua các hoạt động của hệ thống quản lý như:

- + Đánh giá nội bộ và bên ngoài.
- + Tiếp nhận và giải quyết phân nản của khách hàng.
- + Đảm bảo chất lượng kết quả xét nghiệm.
- + Đào tạo thích hợp cho nhân viên.
- + Xem xét của lãnh đạo.
- + Các báo cáo và dữ liệu thống kê.
- + Phân tích từ các nhu cầu của khách hàng.

4.11 HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC

4.11.1 Mục đích

Hành động khắc phục là hành động loại bỏ nguyên nhân của sự không phù hợp và ngăn ngừa sự không phù hợp tái diễn. Hành động khắc phục được thực hiện khi phát hiện vấn đề

	SỔ TAY CHẤT LƯỢNG	Mã số: STCL Lần ban hành: 01 Ngày BH: 02/05/2023
--	--------------------------	--

liên quan đến chất lượng phân tích và hệ thống quản lý thông qua ý kiến phản nản / khiếu nại của khách hàng, xử lý sự không phù hợp, kết quả của các cuộc đánh giá nội bộ, những lần xem xét của lãnh đạo. Thực hiện tốt hành động khắc phục để hoạt động thử nghiệm ngày càng tốt hơn.

4.11.2 Mô tả

a. Bất kỳ sự không phù hợp hoặc sai khác nào so với chính sách và thủ tục trong hệ thống chất lượng hoặc hoạt động kỹ thuật đều phải được thực hiện hành động khắc phục.

b. Hành động khắc phục phải được tuân thủ theo Quy trình Hành động khắc phục, phòng ngừa. Quy trình này phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Được điều tra để xác định nguyên nhân.
- Áp dụng những biện pháp khắc phục có tính khả thi nhất nhằm loại trừ được vấn đề đang tồn tại và ngăn chặn vấn đề đó tái diễn.
- Được theo dõi và đánh giá bổ sung (khi cần thiết).

c. Hành động khắc phục phải được ghi chép đầy đủ và lưu hồ sơ theo Quy trình Kiểm soát hồ sơ.

4.12 HÀNH ĐỘNG PHÒNG NGỪA

4.12.1 Mục đích

Nhằm hạn chế tốt nhất sự không phù hợp có thể xảy ra và thực hiện cải tiến

4.12.2 Mô tả

Phòng thử nghiệm thường xuyên nghiên cứu, xác định các nguồn gốc tiềm tàng có thể dẫn đến sự không phù hợp trong hoạt động kỹ thuật và của hệ thống quản lý, đồng thời phải xác định những cải tiến cần thiết nhằm nâng cao năng lực phòng thử nghiệm và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng để xây dựng kế hoạch và thực hiện hành động phòng ngừa cần thiết.

4.13 KIỂM SOÁT HỒ SƠ

4.13.1 Mục đích

Đảm bảo các hồ sơ được lập đầy đủ, rõ ràng và được lưu giữ tốt

4.13.2 Mô tả

Toàn bộ các hồ sơ có liên quan đến hệ thống chất lượng, hồ sơ kỹ thuật đều được kiểm soát nhằm đảm bảo các yêu cầu sau:

- Được ghi chép rõ ràng, đầy đủ thông tin cần thiết
- Được tập hợp, đánh số hoặc ghi ký hiệu để dễ nhận biết,
- Được bảo quản, lưu trữ một cách an toàn trong môi trường không làm hư hỏng hoặc mất mát, với thời gian đã được quy định cho từng loại, sao cho có thể dễ dàng truy tìm,
- Đảm bảo tính bảo mật,
- Có khả năng ngăn ngừa việc truy cập trái phép hoặc sửa đổi thông tin đã có.
- Việc sửa chữa hồ sơ (nếu có sai lỗi) được thực hiện đúng quy định.

4.14 ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ

4.14.1 Mục đích

Quy định cách thức tiến hành đánh giá nội bộ nhằm đảm bảo hệ thống quản lý ngày càng hoàn thiện, năng lực kỹ thuật ngày càng được tăng cường.

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG	Mã số: STCL Lần ban hành: 01 Ngày BH: 02/05/2023
--------------------------	--

PTN thực hiện việc đánh giá chất lượng nội bộ ít nhất hai lần trong năm để xác định sự phù hợp và tính hiệu lực của hệ thống chất lượng.

4.14.2 Mô tả

a. Phòng thử nghiệm định kỳ thực hiện đánh giá nội bộ đối với các hoạt động của phòng thử nghiệm nhằm đảm bảo các hoạt động tiếp tục tuân thủ các yêu cầu của hệ thống chất lượng và theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017.

b. Phòng thử nghiệm đảm bảo việc đánh giá nội bộ được lập thành kế hoạch và thực hiện :

- Đánh giá định kỳ ít nhất mỗi năm một lần
- Đánh giá đột xuất được áp dụng cho tổ, bộ phận có liên quan khi:
 - + Có phàn nàn, khiếu nại của khách hàng liên quan đến hệ thống quản lý.
 - + Có công việc không phù hợp với các thủ tục hoặc các yêu cầu đã thỏa thuận với khách hàng.
 - + Đánh giá bổ sung sau khi thực hiện hành động khắc phục (nếu cần thiết).

c. Việc đánh giá nội bộ được thực hiện bởi những người có trình độ chuyên môn phù hợp, đã được đào tạo về đánh giá nội bộ và nếu được thì độc lập với hoạt động được đánh giá.

d. Kết quả đánh giá nội bộ phải được xử lý nhằm đảm bảo các yêu cầu sau:

- Khi phát hiện có sự không phù hợp đều phải tiến hành các hành động khắc phục. Việc thực hiện và hiệu quả của hành động khắc phục phải được kiểm tra và ghi lại.
- Khi việc điều tra cho thấy sự không phù hợp có ảnh hưởng đến tính chính xác của kết quả mà có thể ảnh hưởng đến khách hàng thì phải thông báo bằng văn bản với khách hàng.
- Hoạt động đánh giá nội bộ phải được ghi chép, có sự xác nhận của người có thẩm quyền và phải đưa vào hệ thống hồ sơ lưu trữ.

4.15 XEM XÉT CỦA LÃNH ĐẠO

4.15.1 Mục đích

Nhằm khẳng định tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống quản lý đang được thực hiện và duy trì tại PTN.

15.2.1 Mô tả

a. Lãnh đạo định kỳ xem xét hệ thống quản lý và các hoạt động thử nghiệm để đảm bảo rằng hệ thống này đang tiếp tục thích hợp, có hiệu quả, đồng thời đưa ra được những thay đổi hoặc cải tiến cần thiết.

b. Việc xem xét của lãnh đạo được lập thành kế hoạch và thực hiện ít nhất 1 lần/năm.

c. Việc xem xét của lãnh đạo nhằm tạo cơ sở để xây dựng kế hoạch hoạt động thử nghiệm cho năm tiếp theo và được thực hiện theo Quy trình.

d. Những hoạt động phát sinh từ việc xem xét của lãnh đạo được thực hiện theo tiến độ thời gian thích hợp đã thông nhất.

	SỔ TAY CHẤT LƯỢNG	Mã số: STCL Lần ban hành: 01 Ngày BH: 02/05/2023
--	--------------------------	--

Chương 5
CÁC YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

5.1 YÊU CẦU CHUNG

Phòng thí nghiệm đảm bảo các yếu tố quyết định đến độ chính xác và tin cậy của các phép thử luôn được quan tâm và kiểm soát một cách thích hợp. Các yếu tố này bao gồm :

Con người,
Tiện nghi và điều kiện môi trường,
Phương pháp thử,
Thiết bị,
Tính liên kết chuẩn đo lường,

- Quản lý mẫu

5.2 NHÂN SỰ

5.2.1 Mục đích

Nhằm đảm bảo việc tuyển chọn và đào tạo nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, đủ phẩm chất đáp ứng các nhu cầu của công việc của PTN.

5.2.2 Mô tả

a. Viện đảm bảo việc tuyển chọn nhân viên đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng được nhu cầu công việc của PTN.

b. Nhân sự tuyển chọn được bố trí công việc phù hợp với năng lực của từng nhân viên và phân công trách nhiệm rõ ràng cho mọi nhân viên trong PTN.

c. Bổ nhiệm nhân viên đủ năng lực và uy tín vào các vị trí phụ trách công tác chuyên môn trong PTN.

d. Tất cả nhân viên trong PTN phải luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhân viên của Phòng thử nghiệm có nhiệm vụ và trách nhiệm chung như sau:

- Tiến hành công việc được phân công theo đúng các thủ tục đã được phê duyệt.
- Thực hiện công việc một cách trung thực và khách quan.
- Đảm bảo bảo mật các thông tin theo quy định chung của Công ty.
- Thường xuyên học tập để nâng cao trình độ và kỹ năng trong công việc.

e. Phòng thử nghiệm luôn đảm bảo việc đào tạo cho nhân viên, đặc biệt là nhân viên mới tuyển dụng nhằm đảm bảo:

- Nhân viên được thường xuyên cập nhật kiến thức mới nhất liên quan đến công việc đang thực hiện.

- Nâng cao năng lực và trình độ của nhân viên để có thể thực hiện công việc được giao với kết quả cao nhất, phòng ngừa các sự không phù hợp xảy ra do trình độ nhân viên.

f. Kết quả công tác và trình độ chuyên môn của tất cả các nhân viên được thẩm tra, đánh giá nhằm đảm bảo hoạt động của nhân viên luôn tuân thủ đúng các thủ tục đã đề ra và trình độ của nhân viên luôn đáp ứng được yêu cầu của công việc.

5.3 TIỆN NGHI VÀ ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG

5.3.1 Mục đích

	SỔ TAY CHẤT LƯỢNG	Mã số: STCL Lần ban hành: 01 Ngày BH: 02/05/2023
--	--------------------------	--

Kiểm soát tiện nghi và điều kiện môi trường, nhằm đảm bảo độ chính xác và tin cậy của kết quả thử nghiệm.

5.3.2 Mô tả

a. Đảm bảo các hoạt động đo, thử nghiệm được tiến hành trong điều kiện môi trường thích hợp. Các yếu tố môi trường có ảnh hưởng đến độ chính xác của kết quả đo, thử nghiệm, thiết bị, vệ sinh an toàn như: Độ ẩm, độ thông thoáng, nhiệt độ, ánh sáng đều được kiểm soát.

b. Đảm bảo điện, nước, ánh sáng đầy đủ.

c. Các điều kiện riêng cho từng phép đo, thử được đảm bảo theo đúng yêu cầu của từng phép đo, thử đó (kể cả yêu cầu bảo quản mẫu).

d. Nơi thực hiện các phép đo, thử được bố trí để đảm bảo không bị ảnh hưởng lẫn nhau. Các thiết bị dụng cụ thử nghiệm được bố trí hợp lý đảm bảo thuận tiện cho việc thao tác không làm ảnh hưởng đến độ chính xác cần thiết của kết quả thử nghiệm

5.4 PHƯƠNG PHÁP THỬ VÀ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG PHÁP

5.4.1 Mục đích

Qui định việc lựa chọn, xem xét đánh giá và phê duyệt phương pháp thử thích hợp nhằm triển khai và áp dụng trong phòng thử nghiệm của PTN.

PTN sử dụng các phương pháp thử có cơ sở, được kiểm soát, cập nhật và luôn sẵn có cho nhân viên sử dụng. Ưu tiên sử dụng các phương pháp thử tiêu chuẩn, đặc biệt là TCVN và các tiêu chuẩn nước ngoài phiên bản mới nhất phù hợp với khả năng của PTN.

5.4.2 Mô tả

a. Lựa chọn phương pháp thử

- Ưu tiên chọn lựa để sử dụng các phương pháp tiêu chuẩn phù hợp với năng lực của PTN. Phương pháp được chọn sử dụng phải là phương pháp mới nhất.

- Để đáp ứng yêu cầu của khách hàng. PTN có thể xây dựng và sử dụng các phương pháp nội bộ hoặc các phương pháp được đăng trong các tạp chí khoa học.

- Tất cả các thay đổi trong khi thực hiện phép thử so với phương pháp đã được tiêu chuẩn hóa phải được lập thành văn bản.

- Khi khách hàng không xác định rõ phương pháp sử dụng thì PTN phải hướng dẫn lựa chọn các phương pháp thử thích hợp.

- Khách hàng được thông báo về phương pháp đo, thử đang sử dụng tại PTN.

b. Phê duyệt phương pháp thử

Trưởng phòng có trách nhiệm tổ chức thực hiện biên soạn, thẩm xét và trình Giám đốc phê duyệt tất cả các phương pháp thử trước khi đưa vào sử dụng. Việc phê duyệt phương pháp bao gồm các yếu tố sau :

Xem xét các điều kiện cơ bản

Độ chụm

Độ chệch

Đặc tính tuyến tính

Giới hạn phát hiện

Tính chọn lọc

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG	Mã số: STCL Lần ban hành: 01 Ngày BH: 02/05/2023
--------------------------	--

Mức độ phê duyệt tùy thuộc vào phương pháp, nhu cầu của khách hàng và khả năng của PTN nhưng ít nhất phải bao gồm hai yếu tố đầu tiên.

5.5 THIẾT BỊ

5.5.1 Mục đích

Quy định phạm vi trách nhiệm và nội dung kiểm soát, quản lý thiết bị.

5.5.2 Mô tả

PTN được trang bị đầy đủ thiết bị, hóa chất cần thiết phù hợp với năng lực của Phòng thử nghiệm và để đảm bảo thực hiện chính xác công việc thử nghiệm.

Trước khi đưa vào sử dụng, thiết bị phải được hiệu chuẩn hoặc kiểm tra để khẳng định rằng thiết bị đáp ứng đủ các yêu cầu kỹ thuật.

Thiết bị, hoá chất được kiểm soát theo Quy trình kiểm soát thiết bị, hoá chất, chất chuẩn, và các hướng dẫn cụ thể trong sổ tay thiết bị.

Các thiết bị đều có hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo trì và nếu có thể có các hướng dẫn kiểm tra định kỳ, vận chuyển, lắp đặt và an toàn. Các hướng dẫn này được lập thành văn bản và có tại nơi sử dụng thiết bị và trong hồ sơ thiết bị.

5.6 LIÊN KẾT CHUẨN ĐO LƯỜNG

5.6.1 Mục đích

Đảm bảo các thiết bị hoạt động trong phạm vi đã được hiệu chuẩn.

5.6.2 Mô tả

a. Các thiết bị có ảnh hưởng đến độ chính xác và tính đúng đắn của kết quả thử nghiệm hoặc lấy mẫu và các chuẩn chính của PTN được hiệu chuẩn và hiệu chuẩn lại theo đúng kế hoạch đã định

b. Việc hiệu chuẩn thiết bị được thực hiện theo kế hoạch đã được xây dựng hàng năm:

- Đối với các thiết bị, chuẩn chính cần hiệu chuẩn bên ngoài được hiệu chuẩn bởi các cơ quan đo lường có khả năng nối với chuẩn quốc gia, quốc tế hoặc các tổ chức hiệu chuẩn trong và ngoài nước đã được công nhận.

- Đối với một số thiết bị không thể nối với chuẩn quốc gia, quốc tế thì phải dùng chất chuẩn hoặc nếu có thể tham gia chương trình so sánh liên phòng để chứng minh mức độ tin cậy của nó.

c. Thiết bị được hiệu chuẩn hoặc/và kiểm tra theo kế hoạch và được sử dụng đúng mục đích.

d. Các chuẩn đo lường được bảo quản, sử dụng và vận chuyển đúng cách

5.7 QUẢN LÝ MẪU

5.7.1 Mục Đích

Đảm bảo sự nhận biết rõ ràng và tính đúng đắn của mẫu trong quá trình bảo quản.

5.7.2 Mô tả

Phòng thử nghiệm có thủ tục về vận chuyển, tiếp nhận, quản lý, lưu trữ để bảo vệ tính toàn vẹn của mẫu thử nghiệm.

Khi nhận mẫu đều được cho số nhận diện để đảm bảo mẫu không bị nhầm lẫn trong bất kỳ hoàn cảnh nào.

	SỔ TAY CHẤT LƯỢNG	Mã số: STCL Lần ban hành: 01 Ngày BH: 02/05/2023
--	--------------------------	--

Phòng thử nghiệm có hồ sơ ghi nhận mẫu thử nghiệm và ghi lại bất kỳ sự khác biệt nào so với điều kiện đã qui định (nếu có).

PTN lập quy trình lấy mẫu nhằm đảm bảo việc lấy mẫu chính xác và không ảnh hưởng đến kết quả thử nghiệm, phương pháp lấy mẫu tiến hành theo các tiêu chuẩn Việt Nam.

5.8 ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

5.8.1 Mục đích

Nhằm đảm bảo chất lượng kết quả thử nghiệm.

5.8.1.1. Mô tả

PTN đảm bảo kết quả đo, thử nghiệm được thực hiện theo Quy trình. Bao gồm:

- Sử dụng các chất chuẩn, mẫu chuẩn theo yêu cầu của phương pháp;
- Sử dụng các mẫu thêm để thực hiện thử nghiệm;
- Tham gia vào các chương trình so sánh liên phòng;
- Thực hiện thử nghiệm lặp lại, tái lập;
- Thử nghiệm lại các mẫu lưu;
- Xem xét sự tương quan của kết quả từ đặc tính khác nhau của một mẫu.

PTN thiết lập một quy trình kiểm soát chất lượng để kiểm tra tính hiệu lực của kết quả phân tích cho tất cả các phép thử của PTN.

Các hình thức kiểm tra bao gồm: Trắc nghiệm kỹ năng, so sánh liên phòng, phân tích trên mẫu chuẩn hoặc chất chuẩn, đánh giá độ lặp lại hoặc độ tái lập.

5.9. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

5.9.1 Mục đích

Đảm bảo tính chính xác và đầy đủ thông tin trong báo cáo kết quả thử nghiệm. Qui định phạm vi, trách nhiệm, nội dung của báo cáo kết quả thử nghiệm

5.9.2 Mô tả

a. Tất cả báo cáo kết quả đo, thử nghiệm của PTN được thể hiện bằng văn bản, bảo đảm:

- Tính trung thực, chính xác, rõ ràng, không mơ hồ, khách quan.
- Có đầy đủ thông tin mà khách hàng và/ hoặc phương pháp yêu cầu, tuân theo TCVN ISO/IEC 17025:2017.

- Khi cần thiết, có các diễn giải kết quả đo, thử nghiệm, kết luận về sự phù hợp/ không phù hợp so với qui định kỹ thuật và độ không đảm bảo đo.

b. Trong trường hợp có thỏa thuận với khách hàng về việc chuyển giao kết quả bằng phương tiện điện tử thì phải đảm bảo đúng với bản gốc và văn bản này chỉ mang tính tham khảo.

c. Việc sửa đổi, bổ sung nội dung biên bản đo, thử nghiệm sau khi đã ban hành được thực hiện dưới dạng một tài liệu bổ sung và cần thêm công bố “bổ sung cho biên bản đo, thử nghiệm số...”. Khi cần thì ban hành một biên bản đo, thử nghiệm mới thì biên bản và giấy chứng nhận này phải được đánh số nhận diện đặc biệt và tham chiếu tới biên bản gốc đã thay thế.

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP
KHANG PHÚC**



**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP
KHANG PHÚC**

QUY TRÌNH LẤY MẪU THÍ NGHIỆM

MÃ SỐ : QT-03
LẦN BAN HÀNH : 01
NGÀY BAN HÀNH : 02/05/2023

SOẠN THẢO

KIỂM TRA

PHÊ DUYỆT

	QUY TRÌNH	Mã số: QT-03
	LẤY MẪU THÍ NGHIỆM	Lần ban hành: 01 Ngày BH: 02/05/2023

1. MỤC ĐÍCH:

Nhằm kiểm soát trong công tác tiếp nhận mẫu, đi lấy mẫu tại hiện trường, đảm bảo thực hiện đúng theo TCVN và các quy định của Nhà nước.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG:

Phòng thí nghiệm và các bộ phận liên quan.

3. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- ISO/IEC17025:2017
- Các TCVN hiện đang áp dụng;
- Các văn bản pháp luật hiện hành;
- Tài liệu quản lý chất lượng của Công ty.

4. ĐỊNH NGHĨA:

Quy trình lấy mẫu thí nghiệm là quá trình tiếp nhận mẫu tại phòng thí nghiệm và công tác đi lấy mẫu tại hiện trường theo đúng trình tự các quy định hiện hành trong hệ thống quản lý chất lượng của công ty.

5. NGUYÊN TẮC:

- a. Mọi yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng phải được kiểm soát;
- b. Mọi nguy cơ ảnh hưởng xấu đến chất lượng phải được phòng ngừa;
- c. Mọi sai hỏng phải được khắc phục kịp thời;
- d. Chấp hành đúng các quy định, quy phạm, tiêu chuẩn, pháp luật xây dựng của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn của địa phương;
- e. Đảm bảo tính hệ thống trong thực hiện.

	QUY TRÌNH	Mã số: QT-03
	LẤY MẪU THÍ NGHIỆM	Lần ban hành: 01 Ngày BH: 02/05/2023

6. TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH CÔNG VIỆC:

Stt	Trình tự thực hiện	Biểu mẫu	Trách nhiệm
1	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin-bottom: 10px;">Tiếp nhận yêu cầu khách hàng /Hợp đồng</div>	B01-QT03	Bộ phận tiếp nhận mẫu
2	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin-bottom: 10px;">Công tác chuẩn bị lấy mẫu</div> <div style="display: flex; justify-content: space-between; margin-top: 10px;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: 45%;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: 100%; margin-bottom: 5px;">Các dụng cụ lấy mẫu</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: 100%;">Biên bản lấy mẫu và các tài liệu liên quan</div> </div> </div>		Thí nghiệm viên
3	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin-bottom: 10px;">Công tác lấy mẫu</div> <div style="display: flex; justify-content: space-between; margin-top: 10px;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: 45%;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: 100%; margin-bottom: 5px;">Từ khách hàng</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: 100%;">Biên bản nhận mẫu</div> </div> </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin-top: 10px;">Đi hiện trường</div> <div style="display: flex; justify-content: space-between; margin-top: 10px;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: 45%;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: 100%;">Các biên bản lấy mẫu hiện trường</div> </div> </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin-top: 10px;">Dán tem mẫu, mã hóa mẫu</div>	B01-QT03 B03-QT03 B04-QT03 PTN-BMHM	Bộ phận tiếp nhận mẫu Thí nghiệm viên Khách hàng
4	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin-bottom: 10px;">Bảo quản mẫu, vận chuyển mẫu về phòng thí nghiệm</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin-bottom: 10px;">Bộ phận tiếp nhận mẫu</div> <div style="display: flex; justify-content: space-between; margin-top: 10px;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: 45%;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: 100%;">Mã hóa; dán tem mẫu từ khách hàng</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: 100%;">Vào sổ tiếp nhận mẫu B02-QT03</div> </div> </div>	B04-QT03 PTN-BMHM B02-QT03	Thí nghiệm viên Bộ phận tiếp nhận mẫu,
5	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content;">Báo cáo Trưởng phòng TN để phân công TNV</div>		Bộ phận tiếp nhận mẫu Trưởng phòng TN

	QUY TRÌNH	Mã số: QT-03
	LẤY MẪU THÍ NGHIỆM	Lần ban hành: 01 Ngày BH: 02/05/2023

7. NỘI DUNG QUY TRÌNH:

7.1 Công tác lấy mẫu thí nghiệm vật liệu:

+ Mẫu do khách hàng mang đến:

- **Bộ phận tiếp nhận:** nhận mẫu
- Dựa vào yêu cầu khách lập phiếu yêu cầu thí nghiệm theo biểu mẫu B01-QT03 và đánh ký hiệu mã hóa mẫu theo qui định trong bảng mã hóa mẫu PTN-BMHM.
- Gắn tem lấy mẫu theo B04-QT03
- Ghi thông tin vào sổ tiếp nhận mẫu B02-QT03
- Báo cáo trưởng phòng thí nghiệm để phân công công việc theo đúng chuyên môn cho các thí nghiệm viên.

+ Công tác lấy mẫu tại hiện trường:

- **Nhân viên lấy mẫu** kiểm tra, lấy mẫu tại hiện trường;
- Lập Biên bản lấy mẫu hiện trường B03-QT03; đánh ký hiệu mã hóa mẫu theo qui định trong bảng mã hóa mẫu PTN-BMHM.
- Gắn tem lấy mẫu thí nghiệm theo B04-QT03
- Vận chuyển mẫu về phòng thí nghiệm, bàn giao mẫu cho Bộ phận tiếp nhận mẫu vào Sổ tiếp nhận mẫu và theo dõi tiến trình thực hiện B02-QT03
- Bộ phận tiếp nhận mẫu báo cáo trưởng phòng thí nghiệm để phân công công việc theo đúng chuyên môn cho các thí nghiệm viên .

8. Tài liệu kèm theo

- B01.QT-03: Phiếu yêu cầu thí nghiệm
- B02.QT-03: Sổ tiếp nhận yêu cầu và theo dõi tiến trình thực hiện
- B03.QT-03: Biên bản lấy mẫu hiện trường
- B04.QT-03: Tem lấy mẫu
- PTN-BMHM: Bảng mã hóa mẫu

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP
KHANG PHÚC**



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP
KHANG PHÚC

**QUY ĐỊNH
LƯU, BẢO QUẢN VÀ HUỖ MẪU**

MÃ SỐ : QĐ-05
LẦN BAN HÀNH : 01
NGÀY BAN HÀNH : 03/05/2023

SOẠN THẢO

KIỂM TRA

PHÊ DUYỆT

	QUY ĐỊNH	Mã số: QĐ-05
	LƯU, BẢO QUẢN VÀ HUỖ MẪU	Lần ban hành: 01 Ngày BH: 03/05/2023

I. MỤC ĐÍCH

Quy định này quy định phương pháp lưu, bảo quản và huỷ mẫu tại Phòng thí nghiệm

II. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ISO/IEC17025:2017
- Các tiêu chuẩn phương pháp thử hiện hành.

IV. NỘI DUNG

1. Trách nhiệm

Nhân viên Phòng thí nghiệm ; Người được phân công bảo quản mẫu; huỷ mẫu

2. Lưu trữ mẫu

Lưu mẫu tại phòng thí nghiệm được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng. Khi lưu mẫu tuân theo các quy định sau:

- + Mẫu lưu phải đủ khối lượng để thực hiện lại phép thử & đảm bảo tính đại diện cho phần mẫu đã thí nghiệm.
- + Mẫu lưu phải được lưu giữ trong hộp kín, có dán nhãn ghi các thông tin của mẫu lưu để nhận dạng mẫu tránh nhầm lẫn với các mẫu khác
- + Mẫu lưu để trên giá lưu mẫu tại nơi khô ráo, có nhiệt độ không cao hơn nhiệt độ môi trường tự nhiên và tránh ánh nắng mặt trời.
- + Thời hạn lưu mẫu là 10 ngày kể từ ngày có kết quả thí nghiệm.
- + Không thực hiện lưu mẫu đối với các phần mẫu đã sử dụng để thí nghiệm.

3. Bảo quản mẫu

+ Khi nhận mẫu người được phân công bảo quản mẫu mở sổ tiếp nhận mẫu ; ghi chép các thông tin trên mẫu bao gồm: Công trình, hạng mục, ngày lấy mẫu, vị trí lấy mẫu vào sổ tiếp nhận mẫu B01.QĐ-05.

- + Các mẫu sau khi nhận được bảo quản vào khu vực thí nghiệm tương ứng.
- + Người nhận mẫu chịu trách nhiệm bảo quản mẫu đến khi tiến hành thí nghiệm, trong mọi trường hợp đều không để xảy ra mất mát, thất lạc mẫu của khách hàng.

4. Huỷ mẫu

Khi các mẫu thử đã hết thời hạn lưu trữ thì phòng thí nghiệm tiến hành lập biên bản huỷ mẫu theo B02.QĐ-05 và Trưởng Phòng thí nghiệm phê duyệt việc huỷ mẫu.

V. LƯU TRỮ

Phòng thí nghiệm lưu trữ các Biên bản huỷ mẫu trong vòng 02 năm:

VI. PHỤ LỤC

- B01.QĐ-05: Sổ tiếp nhận mẫu
- B02.QĐ-05: Biên bản huỷ mẫu.